

## **Chương X**

### **HAI NĂM, BỐN VUA**

#### **7/1883-8/1884**

Cái chết của Nguyễn Phước Hường Thời ngày 19/7/1883 khiến triều đình Huế bị đặt trước hai cuộc khủng hoảng lớn. Thứ nhất, là cuộc khủng hoảng cung đình, tức sự tranh chấp ngai vị giữa các Hoàng tử và hoàng thân, đưa đến giai đoạn có thể mệnh danh là “Bốn Tháng, Ba Vua” hay “Hai năm, bốn vua.” Thứ hai là áp lực của Pháp để đạt cho bằng được một hòa ước Bảo hộ theo ý muốn.

#### **I. THẨM KỊCH CUNG ĐÌNH:**

Ngay tại triều đình, mỗi họa tâm phúc luôn luôn là vấn đề kế vị. Trong một chế độ quân chủ chuyên chế, ít nhất trên lý thuyết, ngôi vua có hai đặc điểm: (1) vua đại diện cho Trời, nhận lĩnh mệnh Trời (**thiên mệnh**) để chăn giết trăm họ; và, (2) mệnh Trời của vua là một thứ quyền sở hữu có tính chất gia truyền. Một vị vua chân chính, nghĩa là có mệnh Trời, ít nhất trên lý thuyết, được biểu lộ qua đời sống hòa bình, no ấm, không thiên tai, tật bệnh của trăm họ. Thiên mệnh của Hường Thời, từ năm 1847 tới 1883, là một thứ thiên mệnh không toàn vẹn, nếu chẳng phải nhiều khiếm khuyết. Dưới triều Hường Thời, không chỉ sáu tỉnh Nam Kỳ mất vào tay Pháp, mà loạn lạc, mất mùa, bão lụt, đói kém xảy ra liên miên bất tận. Vùng châu thổ sông Hồng và sông Mã dân tình ly tán, thổ phi cùng hải tặc người Hoa—phối hợp

với quan binh Thanh qua giúp quan quân Nguyễn đánh dẹp—khiến thành thị, làng mạc điêu tàn, dân cư đói khổ, cơ hàn. Đó là chưa kể những đợt quyên tiền nuôi quan quân, thổ phỉ và quân Hoa Nam, cùng túi tham không đáy của những kẻ có chức quyền. Vụ án tham ô tại Nha Tuần Tả của Bùi Viện mà Nguyễn Trọng Hợp khám phá vào hạ bán thập niên 1870 tại Nam Định đã nhắc đến trong một chương trước chỉ là một thí dụ tiêu biểu. Tại miền Trung, ngoài thiên tai bão lụt hàng năm, có giặc “man núi” ở Quảng Ngãi, Bình Định, và di dân từ sáu tỉnh miền Nam tại Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên. Cuộc tranh chấp Giáo-Lương—hay giáo dân và bình dân—trở thành cái cớ cho các nhà truyền giáo và quan tướng Pháp thường trực áp lực, đe dọa “biểu dương lực lượng.” Trong khi đó, vương quyền ngày một thu teo lại quanh cấm thành, quan lại tham ô, móc ngoặc với đủ mọi thế lực không những để “ăn dân” mà còn moi móc quốc khố đã ngày thêm hao hụt. Dù bệnh hoạn, Hường Thời hiểu rõ hơn ai hết sự soi mòn, vỡ nát của vương quyền qua những lời tự trách ai oán trong các chiếu, dụ và văn bia khắc tại lăng mộ mình, hoặc những lời tâm sự với các quan chức như Đỗ Quang, cự tuần phủ Gia Định và Nam Định.

Ngay việc muốn lưu truyền thứ thiên mệnh khiếm khuyết ấy như vật sở hữu, vua cũng không đủ khả năng. Mặc dù **từ tháng 9-10/1851, khi mới 22 tuổi**, Hường Thời đã bắt chước ông nội, **viết một bài kệ đặt tên cho 16 chi phái ("phòng")** của anh em mình—dòng trưởng Hường Bảo (1825-1854), tên có **bộ "Thôn"** [ ]; Hường Phò, **bộ "Cân"**; Hường Y, **bộ "Hương"** [ ]; Hường Huru, **bộ "Hành"** [ ]; Hường Cai **bộ "Đậu"** [

]; Hoàng Dật, bộ "*Thập*" [ ]; ngày 14/10/1851 đúc xong sách vàng, dâng lên tổ tiên (1)—nhưng vì bị bệnh đậu mùa từ nhỏ, vua không thể có con nối ngôi.

1. *DNTLCB*, IV, VII, 27: 1848-1853, 1973:303.

Để ngăn ngừa một cuộc khủng hoảng triều chính về việc tranh chấp ngai vị, vua đã ra tay trung lập hóa hoặc tiêu diệt bất cứ khả năng chống đối nào—from dòng dõi các triều tiền nhiệm như Lý, Lê, tới con cháu hoàng thân, quốc thích như Thái tử Cảnh, hay Hoàng Bảo—anh cùng cha khác mẹ của Hoàng Thời.

Việc sai tháp con cháu nhà Lê bắt đầu từ thời Nguyễn Phước Đảm, và kiểm soát gay gắt hơn dưới triều Hoàng Thời. Tháng 2-3/1838, chẳng hạn, Nguyễn Phước Đảm đã cấm lưu trữ *Lê sử tục biên* vì như vậy là đề cao họ Trịnh. Tháng 8-9/1838, cho lệnh phân tán [sai tháp] con cháu nhà Lê, nhưng không chấp thuận việc xuyên lỗ tai, đeo vòng làm dấu mà Hồ Hựu đề nghị. Con cháu họ Lê chỉ bị an trí từ Quảng Nam trở vào. (2)

2. *DNTLCB*, II, CLXXIXX, 20:1838, 1968:61; CXCIV, Ibid, 1968:192-93; CXC, Ibid., 1968:90-1.

Một trong những lý do là các giáo sĩ ít nhiều mạo dụng danh nghĩa nhà Lê trong các kế hoạch làm suy yếu chính quyền trung ương, và thành lập Bắc kỳ tự trị. Nổi danh nhất có các nhóm Lê Duy Huân, Lê Duy Cự, và nhất là “Lê Duy Minh,” “Lê Huy Qui” (Hồ Văn Vạn). Năm 1879, còn có Lê Gia Hưng tức Huyện Thy Lê Bá Đĩnh gốc Thủ Dầu Một. (3)

3. Kho Lưu Trữ Trung Ương LTTU] II, *Châu Bản Tự Đức [CBTD] (1848-1883)*, Tự Đức thập nhị

niên, Chính Nguyệt-Tứ Nguyệt; Ngày 23/2 TĐ XII/Kỷ Mùi [27/3/1859], Châu Bản [CB] 239, tờ 159-163; TỰ ĐỨC THẬP NGŨ NIÊN, Chính Nguyệt-Tứ Nguyệt; Ngày 22/3 TĐ XV/Nhâm Tuất [20/4/1862], CB 270, tờ 158-160; TỰ ĐỨC NHỊ THẬP TAM NIÊN, Chính Nguyệt-Tam Nguyệt; Ngày 13/2 TĐ XXIII/Canh Ngọ [14/3/1870], CB 341, tờ 114-121; TỰ ĐỨC NHỊ THẬP THẤT NIÊN, Ngũ Nguyệt-Thất Nguyệt; Ngày 8/7 TĐ Giáp Tuất/XXVII [19/8/1874], CB 392, tờ 185-88 [2003:63, 117, 167, 206]; *ĐNTLCB*, IV, 33:1874-1876, 1975:149, 153, 156-57.

Theo sử Nguyễn, Hường Bảo, lớn hơn Hường Thời bốn tuổi, không được nối ngôi năm 1847 vì là con lớn dòng thứ, lại lười biếng, ít học. (4)

4. *ĐNTLCB*, III, LXXII, 26:1846-1847, 1972:389, 392; *Ibid.*, IV, I, 27:1848-1853, 1973:32-3.

Từ năm 1842, đã có dấu hiệu của cuộc tranh chấp nối ngôi. Khi Miên Tông rời kinh đô ra Bắc nhận lễ thụ phong, thoát tiên vua muốn Hường Thời giữ chức lưu kinh, nhưng do sự can thiệp của bà nội, đã cho An Phong đình hầu Hường Bảo, 18 tuổi, làm Lưu kinh, với sự phụ tá của Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên, Lê Văn Phú, và Tôn Thất Bạch. Lý do đưa ra là "Hường Bảo tuy tuổi đã lớn, nhưng không có học, kiến văn hẹp hòi, e khó làm xong công việc." (5)

5. *ĐNTLCB*, III, XXV, 24: 1842-1843, 1971:20-2, 25; *ĐNCBLT*, II.

Ngày 25/10/1847, Miên Tông bí mật lập "di chiếu" đưa Hoàng Thời lên ngôi vì cùng một lý do: Hoàng Bảo, "tuy lớn, nhưng là con vợ thứ, mà lại ngu độn, ít học, chỉ ham vui chơi, không thể để cho kế thừa nghiệp lớn được." Ngoài triều đình không ai hay biết. Nhưng di chiếu không đề ngày, nên bốn [4] đại thần là Trương Đăng Quế (1794-1865), Võ Văn Giải (chết 1853), Nguyễn Tri Phương (1800-1873) và Lâm Duy Thiệp [Hiệp] được gọi đến bên giường bệnh để Miên Tông nói rõ ý muốn lập con thứ hai là Nhiệm thay vì con trưởng. (6)

6. *ĐNTLCB*, III, 26:1846-1847, 1972:389, 392; *Ibid.*, IV, I, 27:1848-1853, 1973:32-3.

Tháng 11-12/1848 Hoàng Thời đột ngột tặng bổng lộc hàng năm cho Hoàng Bảo: thêm 500 quan tiền [4,000 francs] và 500 phương gạo. Nhưng trong thư ngày 26/11 [12?]/1848, Giám mục Đường Trong Tây Pellerin báo cáo Hoàng Bảo nhiều lần móc nối giáo dân Ki-tô để lấy lại ngai vàng. Bảo hứa sẽ không những chỉ cho tự do giảng đạo mà còn khuyến khích toàn dân cải đạo. Những người thân tín [néophytes] tham khảo ý kiến Pellerin nhiều lần, nhưng Pellerin khuyến cáo con chiên đừng dính líu vào chính trị. (7)

7. *ĐNTLCB*, IV, III, 27:1848-1853, 1973:144; *Annales de la Propagandation de la Foi*, vol XXII, 1850, tr. 369,370; *CAOM [Aix]*, APF, 1850, tr 370). Vulliez, "Un voyage à Hue en 1880;" *BAVH*, XXI:3 (July-Sept 1934), tr. 212-213n1 [199-219]).

Ngày 25/5/1851, Giám Mục Retord cũng báo cáo mới nhận được thư ngày 23/2/1851 của Pellerin nói Hoàng Bảo mưu định trốn đi nước ngoài để tìm cách lấy lại ngôi vua; đã thành công, và vua nghi giáo dân Ki-tô tiếp tay. Trong một lệnh cấm đạo, nêu rõ: “**Nhưng điều ác lớn nhất là chúng [giáo dân Ki-tô] vừa mới mưu toan quyền rũ một hoàng tử.**” (8)

8. *Annales de la Propagation de la Foi*, tome XXIV, 1852, pp. 8-10; Vulliez, “Un voyage à Hue en 1880;” *BAVH*, XXI:3 (July-Sept 1934), tr 214n1 [199-219]).

Ba năm sau, Hoàng Thời giết Hoàng Bảo vì mưu định trốn ra ngoại quốc, các con bị đày qua họ Đinh của mẹ Hoàng Bảo, kiểm soát chặt chẽ. Năm 1865, Đinh Đạo, tức Ứng Phước, bị trừng phạt vì có tin đồn Đạo mới có quyền nối ngôi. Rồi nhân vụ “loạn Chày Vôi” do nhóm Đoàn Trung và Đông Sơn thi hội, Hữu quân Tôn Thất Cúc, trụ trì chùa Long Quang Nguyễn Văn Quý khích biếm trong tháng 9-10/1866, các con cháu Hoàng Bảo bị tru diệt theo đề nghị của Tôn nhân phủ, ngoại trừ hai con gái. (10)

10. *DNTLCB*, IV, XIII, 30:1863-1865, 1974:286-87; XXXV, 31:1866-1869, 1974:53-57, 61-3. Trong *Liệt truyện chính biên*, đệ nhị kỷ, q 7, không có truyện; chỉ có chú thích bị phé thành thứ nhân, mang họ Đinh của mẹ, tức Đinh Bảo; *DNCBLT*, II, q 7 (1993), 3:153. Hoàng Bảo có chín [9] con trai, một [1] con trai nuôi, và tám [8] gái. Hai [2] trai và hai [2] gái bị đày đi Lao Bảo. Hai công chúa được hưởng lương như những con gái

khác; Vulliez, “Un voyage à Hue en 1880;” annoté par Cadière; *BAVH*, vol 21, no 3 (7-9/1934), p 212n1 [179-219].

Dòng dõi Thái tử Cảnh, từng hai lần bị gạch tên khỏi sổ tôn thất, sau nhờ cha vợ Hoàng Thời là Võ Xuân Cẩn can thiệp, được cho khôi phục. Nhưng năm 1865, Cảm hóa quận công Tôn Thất Lệ Chung (sinh năm 1821) một thời gian nghiện thuốc phiện, bị giáng xuống tước đình hầu. 6 con Lệ Chung—Anh Gia, Anh Vịnh, Anh Dĩ, Anh Nhu, Anh Linh, Anh Nghi—đều không được huấn luyện để tham chính và kiểm soát chặt chẽ. Sau này, Cường Để (1882-1951), con Tăng Nhu, theo Phan Bội Châu (1868-1840) xuất ngoại; và một thời gian được coi như lãnh tụ kháng Pháp, thân Nhật. Một số Linh mục vùng Nghệ Tĩnh và giáo dân Quảng Bình-Quảng Trị có cảm tình đặc biệt với Cường Để. Nguyễn Hữu Bài, chẳng hạn, từng yểm trợ phong trào lập công ty thương mại ở Quảng Nam để tài trợ Kỳ Ngoại Hầu. Người ta cũng không thể không đặt ra dấu hỏi về vai trò các quan lại gốc thông ngôn Ki-tô như Bài và thông gia là Ngô Đình Khả quanh chuyến Âu du của Cường Để trước Thế Chiến thứ nhất—chuyến đi ít nhiều mang tai họa đến cho cha con Phó Bàng Phan Chu Trinh (1872-1926). Từ 1937-1945, có những vận động đưa Cường Để về Huế cầm quyền. Năm 1944, Hiến binh Nhật [*Kempeitai*] từng tổ chức nhóm Ngô Đình Diệm, Nguyễn Xuân Chử, Lê Toàn, Vũ Văn An, Vũ Văn Dỵ thành một thứ chính phủ lưu vong của Cường Để; nhưng cuối cùng, sau chiến dịch *Meigo* (9-14/3/1945)—thường xuất hiện trong văn sử cổ điển như “cuộc đảo

chính Nhật”—Tur lệnh Quân Đoàn 38 Nhật quyết định giữ Nguyễn Phước Vĩnh Điện tự Thụy (Bảo Đại, 8/1/1926-25/8/1945) làm vua “Việt Nam đế quốc,” trong Khối thịnh vượng chung Đông Á. (11)

11. *DNCBLT*, I, q 2 (1993), 2:44-52; q 23: Lê Văn Duyệt [hạ] (1993), 2:396; *DNTLCB*, IV, XLVI, 32:1870-1873, 1976:217-18; Vũ Ngự Chiêu, “The Other Side of the Vietnamese 1945 Revolution: The Empire of Viet-Nam (March-August 1945); *The Journal of Asian Studies* (Ann Arbor, MI), Feb. 1986, XLV, 2:293-328; Idem., “Political and Social Change;” Part II: The End of An Era.. Một tin tình báo Mỹ ghi nhận Diệm từng sang Nhật trong thập niên 1930, nhưng có lẽ thiếu chính xác.

#### A. BA HOÀNG TỬ CỦA HƯỜNG NHIỆM:

Từ năm 1865, Hường Thời cũng bắt đầu chọn con nuôi—không chỉ một mà tới ba hoàng tử. Thoạt tiên, vua chọn Ứng Kỹ (Ứng Đường), con trưởng người em thứ 26 là Kiên Thái Vương Hường Cai (tức Hội, 1846-1876) làm con nuôi, và giao cho Thiện phi Nguyễn Thị Cẩm (vợ thứ hai, con gái Nguyễn Đình Tân) chăm sóc.

Mẹ Hường Cai, họ Trương, vốn là cung nhân của Miên Tông. Năm 1865 Hường Thời phong Hường Cai chức Kiên quốc công. Dù Hường Cai chết trẻ, khi mới 31 tuổi, hệ Hường Cai giữ vai trò quan trọng nhất trong giai đoạn Nguyễn mạc: Ba con Hường Cai nối nhau làm vua trong ba năm 1883-1885, tức Ứng Hạo/Hiệu [Đăng] (Kiến Phước, 2/12/1883-30/7/1884), Ứng Minh [Lịch] (Hàm Nghi, 2 [17]/8/1884-1/11/1888), và Ứng Biện [Kỹ] (Đồng Khánh, 19/9/1885-28/1/1889). Cháu nội



Hùng Cai là Bửu Tuấn [Đào] (Khải Định, 18/5/1916-6/11/1925)—được coi như cha Vĩnh Điện [Thụy] (Bảo Đại, 8/1/1926-25/8/1945), vua thứ 13 và cũng cuối cùng của nhà Nguyễn.

Năm 1868, Hùng Thời lại cho quý phi Võ Thị Duyên (vợ lớn, con Võ Xuân Cẩn) nuôi thêm Ứng Ái (1852-24/10/1884), con thứ hai Thoại [Thụy] Thái Vương Hùng Y (1833-1877). Hùng Y, con thứ tư Miên Tông, mẹ là con gái Chương cơ Nguyễn Văn Phụng, gốc Lê Thủy, Quảng Bình. Năm 1842, khi ra Hà Nội dự lễ phong vương ngày 7/5/1842, Miên Tông từng mang theo cả Hùng Y lẫn Hùng Thời. Sau khi Hùng Thời lên ngôi, Hùng Y cùng Tùng Thiện Vương Miên Thẩm (vai chú) rất thân cận với vua. Năm 1871, Hùng Y được cử giữ chức Hữu Tôn nhân phủ Tôn nhân, và chết 6 năm sau, khi mới 45 tuổi. Con trưởng là Ứng Khánh, được tập phong Kiến Thoại quận công. Hệ Hùng Y sản xuất ra ba triều vua sóng gió nhất thời Nguyễn mạt: Đó là tự quân Ứng Chơn/Chân (Dục Đức, 20-23/7/1883), Bửu Chiêu [Lân] (Thành Thái 1/2/1889-3/9/1907) và Vĩnh Hoảng [San] (Duy Tân, 5/9/1907-10/5/1916)—cả ba vua đều chịu cảnh truất phế.

Ngày 9/11/1869, khi Ứng Ái 18 tuổi, vua đổi tên thành Ứng Chơn, cho ra ở Dục Đức đường. (12)

12. *DNTLCB*, IV, XLI, 31: 1866-1869, 1974:354, 363-65; CAOM (Aix), GGI, dossier 9577; TTLTTƯ 2 (TP/HCM), *CBTD*, 6/10 TĐ XXII [9/11/1869], CB 337:2-6 [2003:151].

Có những dấu hiệu cho thấy Hùng Thời không yên tâm về việc lập Chơn làm Hoàng trưởng tử. Là nạn nhân

của tật bệnh, Hường Thời muốn người nối ngôi phải khoẻ mạnh, và có được khuôn thước đạo đức cổ truyền. Nhưng Ứng Chơn—theo di chúc ngày 17/7/1883 của Hường Thời—không những bị tật ở mắt, lại đa dâm, nhập cung khi đã 14 tuổi, chưa có khí độ của bậc quân vương mà Hường Thời mong đợi. Một lần Hoàng tử Chơn vào châu, mặc quần đỏ, bị phạt 6 tháng bổng; các phụ đạo (thầy dạy) cũng đều bị phạt. Tháng 8/1871, vua cho triều thần xét cử thêm con của các thân công để nuôi làm Hoàng tử. Vua giải thích lý do:

Trẫm rất nghĩ đến kế lớn của xã tắc, tuy tuổi còn khoẻ mạnh mà đã dự định từ trước, trong lòng coi như không, rất công bằng không có tư vị, cả nước đều nghe biết cả. Trước đây nuôi Ứng Chơn, cố nhiên đã bàn với các thân phiên, đại thần, nhưng vẫn do trẫm tự chọn lấy. Hấn đã gần tuổi trưởng thành, nhưng không từng cùng ở, đâu có thể biết rõ, xét kỹ được, vì thế mới chọn người, đặt ra thầy dạy cùng thuộc viên, muốn cho tiêm nhiễm, hun đúc, để cho đức nghĩa ngày được đổi mới, mong cho không phụ lòng kén yêu. Khốn nỗi chọn được người dạy bảo rất khó, lời nói trung thực ít có, để cho tính trẻ dễ thay đổi, đức hạnh hình như chưa được thuần phác, lại có tật ở mắt, sợ khi lớn bệnh lại thêm lên.

(13)

13. *ĐNTLCB*, IV, XLV, 32: 1870-1873, 1975:132-33, 161-62.

Tháng 6/1872, vua nghiêm lệnh cho các phụ đạo đặt một chiếc roi mây tượng trưng, vì Ứng Chơn “đã 3, 4

năm học và hạnh đều chưa thấy tiến ích, sao cho xứng với lòng mong mỏi của Trẫm.” (14)

14. Ibid., IV, XLVI, 32: 1870-1873, 1975:200-2.

Vua chọn những đại thần đức hạnh nhất như Nguyễn Dục, Lê Bá Thận, Trần Nhượng, Lê Tuấn, v.. v... sung vào Dục Đức đường, với hy vọng đào tạo Chơn thành minh quân. (15)

15. Ibid., IV, LVII, 34:1877-1880, 1976:28, 41-2, LVIII, Ibid., 1976:87-8. Xem tiểu sử các quan chức trên trong *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện [ĐNCBLT]*, q. 33 (Nguyễn Dục, 1807-1877), q. 36 (Trần Nhượng, 1825-1889?), q. 37 (Lê Bá Thận, 1820-1879?); ấn bản NXB Thuận Hóa, (1993), Tập 4:190-92, 268-70, 296-98.

Ít năm sau, vua cho Ứng Chơn nhiều cơ hội xuất hiện như trưởng Hoàng tử. Năm 1874, Hoàng tử Chơn thay vua dự lễ tang Lê Tuấn, từ trần ngay sau khi ký Hiệp ước 15/3/1874. Ứng Chơn cũng từng thay vua tế Nam Giao hàng năm. Tháng 2-3/1878, dù chưa phong tước công cho Ứng Chơn vì “học cũng hơi tiến, chỉ có tính nết chưa được thuần hậu,” vua tăng lương lên 800 quan tiền, 500 phương thóc mỗi năm để vợ con khỏi túng thiếu. Nhưng tháng 10/1881, Hường Thời cho lệnh giảm bớt lính hầu của Ứng Chơn, và cấm chúng không được mặc nhung phục. (16)

16. *ĐNTLCB*, IV, L, 33:1874-1876, 1975:27, 35, 34; LI, Ibid., 1975:108; LIX, 34: 1877-1880, 1976:102-3; LXVI, 35:1881-1883, 1976:71.

Năm sau, Ứng Chơn phạm lỗi, Hường Thời càng ghét thêm. Chẳng hiểu “lỗi” này có liên hệ gì hay chẳng đến việc Chơn gián tiếp liên lạc Khâm sứ Rheinart des Essarts và tiết lộ tin Hường Thời bí mật cầu viện Trung Hoa. Ngày 28/10/1882, chẳng hạn, Rheinart ghi trong nhật ký là đã nhờ Ứng Chơn (B.) tìm bản sao thư Hường Thời gửi Tổng đốc Quảng Đông Tăng Quốc Thuyên. (17)

17. Leonard Sogny, “M. Rheinart, premier chargé d’affaires à Hué: Journal, notes et correspondance;” *BAVH*, vol. 30, Nos. 1-2 (1-6/1943), tr. 104 [1-254]; Pierre Rheinart, "Note sur Nguyen Van Tuong [1885];" SHAT (Vincennes), 10H xxx [3, d.8]; CAOM (Aix), GGI, dossier 9574.

Dẫu vậy, ngày 18/2/1883, Hường Thời vẫn phong Ứng Chơn làm Thụy Quốc Công. (18)

18. *ĐNTLCB*, IV, LXVIII, 35: 1881-1883, 1976:168-69.

Vì Ứng Chơn được chọn làm Hoàng trưởng tử, Ứng Kỹ hay Đường (1864-1889), còn được biết như Hoàng tử Chánh Mông hay Mê Tríu, bị xuống hàng thứ hai. Kỹ sinh ngày 18/2/1864, mẹ là Bùi thị Thanh. Được nuôi trong cung từ năm 1865, và mặc dù ngày 18/2/1883, Ứng Kỹ được phong tước Kiên Giang quận công, nhưng vua có vẻ không hài lòng với người con nuôi “mồ côi” này. Theo Hường Thời,

Ứng Kỹ là người yếu, hay ốm, có tâm tật, học chưa thông mà kiêu ngạo, hay bới việc riêng của

người cho lạm thẳng, đều không phải là tư chất thuần lương theo lời phải, sợ bọn người [phụ chính đại thần] khó lấy lời nói can ngăn được. (19)

19. *ĐNTLCB*, IV, LXIX, 35: 1881-1883, 1976:199-202. Xem thêm *Ibid.*, IV, 31: 1866-1869, 1974:363-65, 32:132-33, 161-62. Bản dịch *ĐNTLCB* của Hà Nội ghi tên Đường là "Thị." Các nho và thông ngôn của Tòa Khâm sứ như Lê Văn Hinh còn dịch là "Đậu." Sự sai lầm của các ký lục hay thông ngôn Pháp là do họ không biết bộ chữ thêm vào tên các phòng thuộc hệ Miên Tông của Hoàng Thời đã lược nhắc ở trên.

Người thứ ba là Ứng Đăng (12/2/1869-31/7/1884), tức Hoàng tử Dưỡng Thiện hay Mệ Mến. Sinh ngày 12/2/1869, Ứng Đăng là con thứ ba Hoàng Cai; và Bùi thị Thanh (vợ nhỏ). Tức em cùng cha khác mẹ của Ứng Kỳ, Năm 1871 được Hoàng Thời chọn làm con nuôi. Vua đặc biệt yêu quý con nuôi út này, giao cho Học phi Nguyễn Thị Chuyên trông nom. Học phi Chuyên, vợ thứ ba Hoàng Thời, gốc Vĩnh Long, và được sự yểm trợ của Nguyễn Văn Tường. Bởi thế, nhiều người—kể cả Đại biện Rheinart—vẫn nghĩ vua sẽ bỏ trưởng, tức Ứng Chon, để lập Ứng Đăng. Năm 1882, Hoàng Thời cho Ứng Đăng ra ở Dưỡng Thiện đường. Cuối cùng, vì cơ nghiệp nhà Nguyễn, vua gạt qua sự yêu ghét cá nhân, lập Ứng Chon làm Tự quân, và Trung phi Võ Thị Duyên làm Hoàng thái hậu—Mẹ nuôi của Chon, từng bị giáng trước khi Hoàng Thời từ trần ít lâu, với tội danh lười biếng, không chiêu chuộng, hầu hạ cơm nước

vua đúng mức từ ngày bệnh nặng. Trong di chiếu ngày 17/7/1883, vua nhận xét:

Ứng Đăng hầu hạ cẩn thận biết sợ, dạy được, chưa thấy tí vết gì, nhưng tuổi còn ít, đương học chưa thông, đương lúc khó khăn này chưa chắc đã am hiểu... Nay cho xưng làm Hoàng tử, lấy tên là Ứng Hồ. (20)

20. *DNTLCB*, IV, LXX, 35: 1881-1883, 1976:201; LXVIII, *Ibid.*, 1976:165-66; V, I, 36:1883-1885, 1976:18.

## B. CHỌN MẶT GỬI VÀNG:

Trước khi chết, vì nhận hiệu khuyết điểm của Ứng Chon, Hoàng Thời lập di chiếu cử Trần Tiến Thành, thượng thư bộ Hình, làm Phụ chính đại thần; Nguyễn Văn Tường, thượng thư bộ Hộ kiêm Thương bạc, và Tôn Thất Thuyết, thượng thư bộ Binh, làm đồng Phụ Chính Đại thần.

### ***1. Trần Tiến Thành (1813-1883):***

Trần Tiến Thành vốn gốc Phúc Kiến, tổ tiên chạy qua lập nghiệp ở làng Minh Hương, huyện Hương Trà, Thừa Thiên từ cuối triều Minh. Cha làm quan ở Hà Nội, và rồi tri phủ Tân Bình (Gia Định). Đậu Tiến sĩ năm 1838, Tiến Thành làm quan suốt ba triều Nguyễn Phước Đảm, Nguyễn Phước Miên Tông, Nguyễn Phước Hoàng Thời. Năm 1858, được Hoàng Thời ban tên Tiến Thành. Tháng 2/1859, lên chức Tả tham tri bộ Binh, sung tham biện Viện Cơ Mật. Năm này, được giao phụ trách việc xây dựng công sự phòng thủ cửa biển Thuận An. Năm

1861, lên thượng thư bộ Công, vẫn đặc trách phòng thủ Thuận An. Tháng 5/1862, phụ tá Phan Thanh Giản thảo luận với Trung tá Simon về hiệp ước mới khi Simon cùng nhóm thông ngôn Théophile de la Liraye cưỡi tàu *Forbin* ra Thuận An, yêu cầu Hoàng Thời cử một đặc sứ toàn quyền vào Sài Gòn thương thuyết hiệp ước. Sau ngày ký Hòa ước 5/6/1862, được Hoàng Thời tin dùng, đổi nắm Bộ Binh, với hy vọng thay vào ghế trống của Cố mệnh lương thần Trương Đăng Quế mới cáo hưu, mà vua coi như bậc tam công đời Chu. Tham gia phái đoàn Phan Thanh Giản đón tiếp Thống đốc Bonard và Trung tá Palanca của Espania tại Huế năm 1863, và rồi thương thuyết với Aubaret mùa Hè 1864. Năm sau mang ấn Khâm sai ra Bắc chiêu dụ nhân tâm Hải-Yên, rồi về nắm lại Bộ Công kiêm Tổng tài Quốc sử quán. Đầu năm 1868, sau khi Pháp cưỡng chiếm ba tỉnh miền tây Nam kỳ (Vĩnh Long, An Giang, và Hà Tiên) không tốn một viên đạn, Tiền Thành lại được cử làm Khâm sai vào thương thuyết xin trả lại đất, nhưng không thành.

Trong thập niên 1860, Trần Tiền Thành được coi như lãnh tụ phe canh tân, và chủ hòa với Pháp. Từng bị một số công tử và thân vương mưu toan ám hại. Thành cũng từng yểm trợ kế hoạch canh tân của Phạm Phú Thứ và khám phá ra Paul Nguyễn Trường Tộ, người hầu cận thân tín của Giám Mục Gauthier [Hậu], cùng Nguyễn Văn Tường, nên được Hoàng Thời tin dùng, từng cáo lão về hưu mà không được chấp thuận. Năm 1881, lên tới chức Văn Minh điện đại học sĩ, một trong tứ trụ triều đình [Chính nhất phẩm, I-1]. Khi lâm trọng bệnh, Hoàng Thời cử Tiền Thành làm cố mệnh đại thần, lo việc “răn dạy” tự quân. (21)

21. Ibid., IV, XX, 29: 1859-1862, 1974:14, 15; XXV, Ibid., 1974:240, 297, XXVI, Ibid., 1974:305, 314, 326, 339; XXVIII, 30: 1863-1865, 1974:9-11, XXIX, Ibid., 1974:84, 84-86, 96, XXX, Ibid., 1974:154-156, 162-163, XXXI, Ibid., 1974:180; LXIX, 35: 1881-1883, 1976:200; *DNCBLT*, II (1993), 4:162-73. Xem thêm Đào Duy Anh, “Les grandes familles de l’Annam: S. E. Tran Tien Thanh;” *BAVH*, XXXI, No. 2 (Avril-Juin 1944), pp 91ff.

## **2. Nguyễn Văn Tường (1810-1888):**

Nguyễn Văn Tường gốc xã An Xá Trung, huyện Hải Lăng, Quảng Trị. Xuất thân từ một gia đình nông nghiệp, cha là thợ mộc. Từng khai hộ Nguyễn Phước dự thi trường Thừa Thiên năm 1842, đậu tú tài nhưng bị đổi tên là Văn Tường, kết tội đồ 1 năm và cấm thi trọn đời. Sau nhờ sự tiến cử của Trần Tiễn Thành, Hoàng Thời đặc biệt phê chuẩn cho đi thi, và chấm Tường đậu đầu. (22)

22. *DNTLCB*, III, 24: 1842-1843, 1971:164-165; Sớ ngày 9/10/1875 của Tường; *CAOM* (Aix), Amiraux, 12774; Nguyễn Văn Phong 1971:117.

Năm 1852, tập sự ở Bộ Hình, rồi ngời tri huyện, tri phủ, án sát (Thanh Hoá, 1859). Năm 1862, về làm việc ở Bộ Công; rồi chịu tang cha khá lâu. Năm 1864 ra làm quan trở lại, giữ chức biện lý bộ Binh, lo việc trị nông huyện Thanh Hóa, sau đổi thành phủ Cam Lộ, Quảng Trị, Năm 1865 lên phủ doãn Thừa Thiên. Tháng 3-4/1868, đang là bang biện huyện Thành Hóa, theo



thượng thư bộ Lễ Nguyễn Văn Phong và Phan Đình Bình vào Sài Gòn thảo luận việc lập hòa ước mới, nhưng không thành, nên bị cách lưu. (23)

23. *ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974:51, 98, 148, 156, 171-72, 186-88, 226, 287; 31:1866-1869, 1974:202.

Tháng 4-5/1869, ra bắc làm tham tán quân thứ Tuyên Quang, (1974:316, 325). rồi Tán tương (1974:327, 330), Tháng 8-9/1869, cùng Võ Trọng Bình liên lạc với Đề đốc Phùng Tử Tài yêu cầu đưa quân Quảng Tây tiến ngay về Thái Nguyên, Bắc Ninh, Sơn Tây, Tuyên Quang đánh thổ phi Ngô Côn. Nhưng Côn bị lạc đạn khi vây đánh Bắc Ninh, bị trọng thương, rồi chết. Vua giao cho Nguyễn Văn Tường, Đặng Toàn, Trần Đôn Phục lo việc giải quyết thiếu lương thực ở Cao Bằng, Lạng Sơn. (1974:370-71) Tháng 12/1870-1/1871, cùng Phạm Chi Hương, đi chiêu dụ giặc Thanh theo ý Nguyễn Tri Phương, Hoàng Kế Viêm. (24)

24. *ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974: 316, 325, 327, 330, 370-71; 31:1866-1869, 1974:357; 32:1870-1873, 1975:70,

Trong án mất thành Lạng Sơn, bị cách lưu chuộc tội, (1975:71-2), Sau khi Tô Quốc Hán trả lại thành Lạng Sơn, Tá Viêm, Văn Tường được thưởng nhờ biết chiêu dụ (1975:81) Tháng 4-5/1871, Viêm, Tường, Phạm Thận Duật thắng trận, được khôi phục. (32:1870-1873, 1975:94) Thời gian này, tỉnh Quảng Tây cho biết Phùng Tử Tài sẽ đưa 16 doanh qua đánh phi; nhưng

Hùng Thời viết thư xin đại quân đóng ở Long Châu, chỉ cần tri phủ Thái Bình đưa ít doanh sang giúp, vì tiếp vận khó khăn (1975:95-6) Tháng 5-6/1871, quân triều lại thua trận ở Thua trận ở Lạng Sơn, Viêm và Tường lại bị cách lưu. (25)

25. *ĐNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975: 71-2, 81, 94, 95-6, 101, 104-5, 117, 137, 177, 185, 189.

Tháng 5-6/1873, sau khi Nguyễn Tri Phương ra bắc,. (1975:225) Lê Tuấn, Nguyễn Văn Tường, Trần Hy Tăng về kinh đợi lệnh (1975:293) Tháng sau, do Trần Tiễn Thành đề cử, Tường làm Phó sứ cho Lê Tuấn, cùng Nguyễn Tăng Doãn đi sứ Tây, nhưng bị giam lỏng ở Sài Gòn. (1975:304) (1975:342, 352) Giữa lúc đó, Jean Dupuis gây náo loạn Bắc Kỳ. Hùng Thời cho lệnh Lê Tuấn yêu cầu Thống đốc Sài Gòn dàn xếp việc Dupuis. Thống đốc Dupré nhân cơ hội gửi Thiếu tá Francis Garnier ra Bắc. Thay vì tìm cách trục xuất Dupuis, Garnier đánh chiếm thành Hà Nội, rồi tung quân chiếm cả châu thổ sông Hồng. Garnier còn bắt giải bốn quan Nguyễn vào Sài Gòn.

Hùng Thời đành đồng ý cho Lê Tuấn làm Khâm sai toàn quyền bàn thảo về việc cắt hết sáu tỉnh miền nam cho Pháp như Dupré đòi hỏi đã lâu. Phó sứ Tường cũng yêu cầu Dupré phóng thích bốn quan bị bắt ở Bắc Kỳ, và tình nguyện tháp tùng Paul Philastre ra Huế để dò tâm ý Hùng Thời. (26)

26. *ĐNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:355-59, 362, 368; *ĐNCBLT*, II, q. 30, tờ 7 (Huế: 1993), 4:120-21; q 32 (Huế: 1993), 4:164, 167 [162-73]; Tsuboi, Tsuboi 1990:268),

Giải quyết xong việc miền bắc, Tường vào Sài Gòn tham dự việc ký Hoà ước 15/3/1874. Hường Thời phong Tường làm Kỳ vĩ bá. Tháng 6/1875, thăng lên chức Thượng thư Bộ Hộ, kiêm “Thương Bạc” tức Nha Ngoại Giao. Năm sau, được phong tước Hiệp biện Đại học sĩ (một tước quan tòng đệ nhất phẩm, chỉ thua Tứ trụ triều đình). Năm năm sau nữa, 1881, làm Cơ Mật viện trưởng. Từ tháng 2/1881, bắt đầu thương thuyết với Pháp (Rheinart, rồi Philastre, de Champeaux). Rheinart, một trong những người có công đầu trong việc thiết lập chế độ Bảo hộ Pháp ở Đại Nam nhận định về Nguyễn Văn Tường như sau:

Một người có giá trị lớn, thông minh, rất lịch thiệp, đầy nhiệt tình và rất xảo quyết. Tuy nhiên ông ta không có quan điểm rộng rãi, và có những ý nghĩ khá chật hẹp. [*un homme d'une très grande valeur, intelligent, fort habile, énergique et très fourbe. Mais il n'a pas de largeur de vues, et il a des idées quelque peu étroites;*] (27)

27. Báo cáo ngày 25/8/1885; SHAT (Vincennes), 10H xxx [3/d.8], p 5.

Nhưng Rheinart cũng xếp Nguyễn Văn Tường vào loại "kẻ thù không đội trời chung [*ennemi irréconciliable*]" của Pháp. (28)

28. Báo cáo ngày 25/8/1885; Ibid.

Các giáo sĩ—đặc biệt là Giám mục Paul Puginier [Phú]—không ưa Nguyễn Văn Tường, phần nào vì Tường đã phá vỡ giấc mơ Bắc Kỳ tự trị của họ trong

thập niên 1870. Nhiều hơn một lần Puginier buộc tội Tường là kẻ thù không đội trời chung của Pháp, gian xảo, thủ đoạn, chỉ lo củng cố quyền lợi cá nhân. Những báo cáo mật của Puginier và các giáo sĩ—kể cả Gauthier (Hậu) và Caspar (Lộc)—ảnh hưởng sâu đậm trên các viên chức Pháp, đặc biệt là giới tướng lĩnh và sĩ quan Hải quân. (29)

29. Thư ngày 17/7, 20/7, và 25/8/1885, Puginier gửi de Courcy; ASME (Paris), vol 816, doc 46.

### ***3. Tôn Thất Thuyết (1838-28/6/1913):***

Tôn Thất Thuyết, sau bị đổi thành Lê Thuyết, vốn dòng hoàng tộc ở quê cũ Thanh Hóa; con cả Tôn Thất Đính, nguyên Lãnh binh Hải Dương, rồi Đề đốc quân thứ Gia Định. Năm 1864 Đính bị đau bụng và mất mờ xin về nghỉ.

Thuyết nổi danh từ đầu thập niên 1870 trong dịp đánh dẹp thổ phi ở Bắc Kỳ. Thời gian này, Hường Thời đã đưa ra bắc tổng số 11,570 quan quân [lính kinh], chia làm ba quân thứ: Lạng Sơn, sử dụng 3,290 lính Kinh; Thái Nguyên, 1,750 lính; và Bắc Ninh, 6,500 người. Tuy nhiên, vì thổ phi Thanh quá đông, Hường Thời sai Hoàng Kế Viêm—Phò mã thứ 5 của Nguyễn Phước Đảm, chú rể vua—và tán tương Thuyết liên lạc với quan tướng Thanh ở Quảng Tây, xin hợp đồng chống phi. (31)

31. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32:1870-1873, 1975:62, 67.

Ngoài ra, tháng 10-11/1870, còn mật lệnh sứ đoàn Nguyễn Hữu Lập, Phạm Hy Lượng và Trần Văn Chuẩn trên đường đi Yên Kinh, nhờ Quảng Tây tăng viện. Đầu năm 1871, với Ông Ích Khiêm làm tán lý, Tôn Thất Thuyết thắng lớn ở mỏ Nà Khôn, Thái Nguyên, khiến Hoàng Thời đẹp dạ. (32)

32. *DNTLCB*, IV, XLIII, 32:1870-1873, 1975:56, 66 [21/1-18/2/1871, tháng 12 Canh Ngọ]

Năm 1874, trong vụ nổi dậy của Văn Thân ở Bắc Kỳ, Tôn Thất Thuyết xuất hiện như lãnh tụ “chủ chiến”. Theo các giáo sĩ Ki-tô, đích thân Thuyết kêu gọi nổi lên chống Pháp. Năm sau, liên quân Thanh-Nguyễn tại quân thứ Tuyên Quang lập công lớn khi bắt sống được Hoàng Sùng Anh, thủ lĩnh Cờ Vàng, đã lộng hành suốt mười năm. Hoàng Thời cho lệnh lãng tri, cắt đầu giải qua nhà Thanh. Thuyết và Hoàng Kế [Tá] Viêm đều được ban thưởng.

Hoàng Thời nhận định:

Tôn Thất Thuyết là tướng có uy vũ ra trận bắt chém giặc, đến đâu được đầy.... (33)

33. *DNTLCB*, IV, LIV, 33:1874-1876, 1975:225-26, 229-30.

Vua cho lệnh Thuyết ra sức tảo thanh dư đảng Cờ Vàng.

Vì bị bệnh, Thuyết được phép ở lại Bắc Ninh điều trị ít lâu. Năm 1875, ở cương vị Tổng đốc Bắc Ninh, Thuyết từ chối tiếp kiến Trú sứ de Kergaradec, lãnh sự Pháp ở Hà Nội. Ngày 2/9/1875, de Kergaradec báo cáo là đang tìm cách liên hệ với Thuyết, nhưng Tổng đốc

Bắc Ninh không cho gặp. Bởi thế, Thuyết bị lên án là “thù nghịch với Pháp,” mất chức Tổng đốc, chỉ còn lo việc tiêu trừ thổ phi ở vùng Thái Nguyên-Tuyên Quang. Hường Thời phê bình:

: “Hắn có khả năng lớn về việc binh, nhưng thiếu cả thực thà lẫn thành thật, và lại hay tìm cơ tránh trách nhiệm” (34)

34. *DNTLCB*, IV, LIV, [tờ 26b-27a], 33: 1874-1876, 1975:228 [31/8-28/9/1875], 245-46; Báo cáo ngày 2/9/1875, Kergaradec gửi Dupré; CAOM (Aix), Amiraux, 12982.

Đề khuyến khích Thuyết, Hường Thời xét lại hồ sơ Tôn Thất Đính, cho lệnh cha Thuyết khuyên bảo con “một lòng công trung thuần cần,” “nếu có tài năng mà không cần thận, hăng hái mà không vô lễ, sợ lụy đến nhà người.” (35)

35. *DNTLCB*, IV, LIV, 33:1874-1876, 1975:245-46.

Tháng 5-6/1876, Thuyết và Hoàng Kế [Tá] Viêm bất đồng về vấn đề Giặc Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc cũng như vấn đề nhờ quân Thanh qua tiêu phi.. Thuyết muốn dẹp Cờ Đen trong khi Thống chế/Phò mã Viêm muốn chiêu hồi. Tháng 6-7/1876, Hường Thời ngả theo Viêm, bảo Thuyết:

Trẫm muốn người ... chăm học thi lễ, có phong thái nho tướng, liệu địch dành lấy thắng, có phong thái trí tướng; vỗ yên quân giặc, có phong thái nhân tướng; không nên chuyên cậy uy vũ mà thôi. (36)

36. *DNTLCB*, IV, LV, [tờ 23a-24b]; 33: 1874-1876, 1975: 282-83, 291-92; Tsuboi 1990:272.

Tháng 1-2/1877, Tôn Thất Thuyết phần chí muốn xin đi tu theo gương tiên tổ là Tôn Thất Hiệp, Hường Thời mắng:

Người không phải cuồng dưng như Ông Ích Khiêm, ít học như Trương Văn Đễ ... Sao lại làm ra lòng trốn ở chùa không làm việc, trăm rất không khen... Hãy làm việc cho nước và đừng cãi nhau với Viêm. (37)

37. *DNTLCB*, IV, LVI [tờ 34], 33: 1874-1876, 1975:358; Tsuboi 1990:273. Ông Ích Khiêm đậu cử nhân năm 15 tuổi. Hường Thời bắt thi lại để thử thực tài; nhưng vì quá trẻ cho về học thêm, chờ bổ nhiệm. Bản Ngô Côn trọng thương ở Bắc Ninh.

Khi giặc Lý Dương Tài tràn qua Bắc Kỳ, Hiệp Đốc Thuyết vì mang bệnh không thể trị yên, lại thêm bị người Pháp áp lực với triều Huế, nên năm 1878 cáo bệnh về Thanh Hóa chữa bệnh “tâm hỏa.” Tháng 7-8/1879 xin ở lại Thanh Hóa thêm một thời gian, và góp ý với các quan tỉnh những vấn đề cần thiết. Hường Thời đồng ý, chờ hết bệnh sẽ vào kinh trình diện. Tháng 10-11/1880, khi Tôn Thất Thuyết tố cáo Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Văn Tường dính líu vào vụ lưu hành tiền giả, xin cách chức, thuyên chuyển, vua chê:

Thuyết ít học, không thông, lại có tật nóng nảy, nói càn. (38)

38. *DNTLCB*, IV, LXI, 34:1877-1880, 1976:236-37; LXIV, *Ibid.*, 1976:370-71.

Năm sau, tháng 3-4/1881 Thuyết về kinh, xin vào châu, Hoàng Thời không cho. Thuyết xin tha tội, Hoàng Thời hỏi muốn nghỉ bệnh bao lâu. Thuyết xin nghỉ thêm một năm. Hoàng Thời chấp thuận, nhưng khuyên bảo:

Người vẫn có tính kiêu căng, hẹp hòi, hay nghi ngờ người đến nổi chân hỏa trong tim bốc lên, mê lệch về ngũ khác, tính khí bất thường.... Người phải điều dưỡng nhiều và học hỏi thêm mới có thể lên người được.” (39)

39 Ibid., IV, [LXV, tờ 18],35: 1881-1883, 1976:23.

Theo Tsuboi, *"Hắn ít học, thất thường, nhỏ nhen, hay nghi kỵ và dễ gây thù oán. Hắn phải chăm học hơn nữa để tự trau dồi và cư xử cho xứng con người;"* Tsuboi 1990:273.

Tháng 1/1882 Tôn Thất Thuyết trở lại Kinh, được cử làm thượng thư Bộ Binh, kiêm việc xây đắp công sự phòng thủ Thuận An. Trong hai năm cuối triều Hoàng Thời, Thuyết nắm hết binh lực kinh thành. Thế lực gia tăng thêm qua cuộc hôn nhân chính trị giữa con trai Thuyết và con gái Tường. Trong hai năm 1883-1885, cùng Nguyễn Văn Tường khuynh đảo triều Huế, phế và giết ba vua (Tự quân Dục Đức, Hoàng Dật, Ưng Đăng). Rồi lập Ưng Lịch vào tháng 8/1884.

Sự lựa chọn các phụ chính phản ảnh sự thực sắt máu ẩn dấu phía sau chiêu bài “thiên mệnh” của nền chính trị



Không giáo. Thiên mệnh của một vị vua—nhất là những người nổi nghiệp cha, ông—thường liên hệ chặt chẽ với các thế gia vọng tộc.

Thiên mệnh của Hường Thời, chẳng hạn, đã được duy trì nhờ sự đồng minh và yểm trợ của các phụ chính đại thần Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Võ Văn Giải, v.. v..., và nhất là nhóm quan lại người Việt gốc Hoa như Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Trần Tiễn Thành v., v ... Bởi thế, dù thiên mệnh này bị dầm bập suốt 36 năm dài—qua những ngón đòn thù của giới giáo sĩ Ki-tô, chiến hạm cùng binh đội Pháp, và hải tặc, thổ phi Thanh—Hường Thời vẫn duy trì được ngai báu tới cuối đời. Để truyền giao thiên mệnh của mình xuống con nuôi là Ứng Chơn, Hường Thời đã kén chọn ba Phụ chính đại thần tín cẩn nhất.

Thọ Xuân vương Miên Định, con thứ ba Nguyễn Phước Đảm và gia phi họ Phạm, cùng Tuy Lý quận vương Miên Trinh, con thứ 11 Phước Đảm và tiếp dư Lê Thị, cũng được cử làm phụ chính thân thần. Ngoài ra, còn một Siêu Phụ Chính là Từ Dự Thái Hoàng Thái Hậu—một nhân vật thống trị triều đình và Hoàng tộc từ sau cái chết của Miên Tông năm 1847. (40)

40. *ĐNTLCB*, IV, LXIX, 35:1881-1883, 1976:199-200; *ĐNCBLT*, II, q 2, 3, 5 và 6 (1993), 3:57-8 [25-66], [82-95], 110 [108-13]

### C. ỨNG CHƠN BỊ PHẾ:

Ngày 17/7/1883 [14/ 6 Quý Mùi], khi bệnh trở nặng, Hường Thời lập di chiếu đưa Ứng Chơn lên ngôi, dù Chân có tật ở mắt, lại hiếu dâm. Lý do chính là “nước

cần có vua nhiều tuổi, gặp lúc khó khăn này, không dùng hẳn thì dùng ai?” (41)

41. *ĐNTLCB*, IV, LXIX, 35:1881-1883, 1976:202; V, I, 36:1883-1885, 1976:19.

Ngày 19/7/1883, Hường Thời mất sau một thời gian bị tật bệnh hành hạ. Có tin vua bị phù thũng. [hydropisie = edema = phù thũng]. (42)

42. *ĐNTLCB*, IV, LXX, 35: 1881-1883, 1976:202, V, I, 36:1883-1885, 1976:19; A. Delvaux, 1916:44.

Hường Thời hy vọng rằng ba phụ chính đại thần, cùng hai thân vương Miên Định, Miên Trinh, và Từ Dự Thái Hoàng Thái Hậu sẽ giúp Ứng Chơn tránh khỏi những lỗi lầm tai hại. Nhưng bộ ba Thành, Tường và Thuyết không đồng lòng phò trợ tị quân. Ngày 23/7/1883, hai Phụ chính Tường và Thuyết sinh lòng chuyên quyền, phế Ứng Chơn, rồi lập Hoàng tử thứ 29 của Miên Tông là Hường Dật. (42)

Chi tiết về cuộc đảo chính cung đình này khá môg lung. Theo quốc sử Nguyễn—đã được hiệu đính dưới thời Pháp thuộc—Ứng Chơn, lúc này đã 32 tuổi, có những hành vi đáng ngại cho nhóm phụ chính đại thần. Từ nhiều năm trước, Ứng Chơn qui tụ một nhóm thân tín, kể cả vài tín đồ Ki-tô như cha con Nguyễn Như Khuê, và Linh Mục Nguyễn Hữu Thơ tức Cư, mới từ Ninh Hải (Hải Dương) về Huế thay Nguyễn Hoằng. Sau ngày Hường Thời chết, tị quân mang đám thủ hạ vào cung, bản thân lại mặc y phục màu xanh lá cây giữa lúc đại tang, và chế ngay các đồ dùng riêng. Thêm nữa, Ứng

Chon không hài lòng về câu di chiếu "*sắc cho răn bảo điều hay*" của Hường Thời—tức cho phép các Đại thần kèm chế Ứng Chon, như nhóm Trương Đăng Quế, Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, và Lâm Duy Thiệp đã từng phụ chính vua. Ngày 20/7, Tự quân mật bàn với các Phụ chính rồi tự tay gạch bỏ đoạn 41 chữ trong bản sao di chiếu. Thuyết và Tường không tỏ vẻ chống đối. (43)

43. *DNTLCB*, IV, LXIX-LXX, 35:1881-1883, 1976:202, 205-11; *QTCBTY*, tr 408. A. Delvaux, “Quelques précisions sur une période troublée de l’histoire d’Annam;” *BAVH*, XXVIII, no. 3 (7-9/1941), tr. 231. Delvaux ghi chép được khá nhiều lời đồn đãi cay độc của giới giáo sĩ, giáo dân nhằm đả kích Hường Nhiệm, cũng như hai Phụ chính đại thần Tường và Thuyết.

Hôm sau, 21/7, lúc tuyên đọc di chiếu, Nguyễn Văn Tường cáo ốm không dự. Khi đọc đến đoạn này, Tiền Thành vờ cất tiếng ho, lùi về phía sau, hạ thấp giọng lướt đi. Thuyết và Tường chất vấn thì Thành biện bạch rằng vì “gấp ho nên thiếu tiếng hóa nhỏ.” (44)

44. *DNTLCB*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:206-8; *DNCBLT*, II, q. 32, (1993), 4:170-71;

Thực ra, hai Phụ chính Tường và Thuyết đã cùng mưu phé lập. Trước kia, thấy Ứng Chon hay phạm lỗi, và Hường Thời rất thương yêu Ứng Đăng, Tường nghĩ Ứng Chon chẳng bao giờ được lập, có ý khinh thường. Tường còn đầu tư vào Ứng Đăng bằng cách cưới chị Ứng Đăng và Ứng Đường cho con trai mình. Bởi thế,

ngày 21/7, khi Phụ chính Thành đọc di chiếu, mặc dù thân với Tiễn Thành đã lâu, từng được Thành tiến cử, Tường tạm thời lánh mặt. Rồi cùng Thuyết chất vấn Thành về tội *sửa di chiếu*—một trọng tội—và thực hiện ngay kế hoạch đảo chính cung đình.

Một mặt, Thuyết cho vệ sĩ bao vây cấm thành, bắt hết 14 người thân tín của tự quân. Mặt khác triệu tập Hoàng thân và các quan để tuyên bố chuyện phế lập. Phụ chính Thành muốn can ngăn, nhưng bị Thuyết uy hiếp phải nghe theo. Chỉ có Hình khoa Chương ấn Phan Đình Phùng (1847-1895) phản đối, thì bị bắt giam ở trại Cẩm Y 12 ngày, rồi đuổi về quê. (45)

45. Giám Mục Puginier giải thích việc này như một màn kịch che mắt thế gian, để Phan Đình Phùng về Hà Tĩnh chuẩn bị kháng Pháp.

Sau khi cả Tôn Nhân phủ lẫn các quan đều ký tên xin truất Ung Chơn, Thái Hoàng Thái hậu Từ Dự xuống chỉ chấp thuận. Tự quân bị đưa về Dục Đức đường canh phòng nghiêm mật, rồi chuyển tới giam ở nhà Thái y. Dục Đức Đường biến thành trụ sở của Nội các. (46)

46. *DNTLCB*, V, VI, 36:1883-1885, 1976:172-73.

*Đại Nam Thực Lục* ghi:

Hoàng trưởng tử . . . thường vì làm lỗi bị quở, Văn Tường nghĩ rằng hoàng trưởng tử tất không được lập làm vua nên mới khinh thường hoàng trưởng tử mà chỉ để tâm đến hoàng tử thứ ba [Ung Đăng, hay Ung Hổ].

Thấy tờ di chiếu cho Hoàng trưởng tử lên nối ngôi, Văn Tường trong lòng không được yên. Thuyết cũng không bằng lòng với Tự quân. Gặp khi Tự quân đem nhiều người riêng vào hầu hộ vệ ở điện Hoàng Phúc và các sở Quang Minh (đều sai chế bài cấp cho để đeo), bọn ấy nhân đó ra vào tự do. Các tờ tâu khẩn cấp của các quân thứ các tỉnh tâu lên, có khi để trong điện một đêm, vẫn chưa giao ra. Lại trong khi làm lễ điện (cúng Hường Thờ) vẫn mặc áo sắc lục [xanh lá cây] cũ, hoặc sai chế ngay các đồ dùng riêng (các thứ quần áo đồ dùng).

Văn Tường nói kín với Thuyết rằng: Tiên đế đã bảo vua nối ngôi chưa chắc đương nối việc lớn, lại giao cho ngôi lớn. Nay bắt đầu, cử động đã thế, huống chi là ngày sau ư? Đó là việc riêng cho chúng ta. Thuyết vốn tính cương trực lại cậy quyền cảm quân liền đáp rằng: cứ như lời chiếu thì mưu tính là vì xã tắc, bất đắc dĩ mà làm việc như Y Doãn, Hoắc Quang, cũng là chí của tiên đế, nhân thế cũng có ý mưu bỏ đi.[tr. 206]

Sau rồi vì tự quân lại nghĩ rằng trong tờ di chiếu hẳn bảo có những câu không tốt, không thể truyền bá cho mọi người nghe. Triệu các phụ chính đại thần, nói cần bớt đoạn ấy đi, không tuyên lục ra. Trần Tiễn Thành bảo thế cũng ổn. Hai người [Tường và Thuyết] đều thưa rằng: xin nhà vua quyết định. Tự quân tin là cũng bằng lòng. Bèn sai xóa tờ di chiếu, tự tay xóa bỏ đoạn [41 chữ] ấy đi. Dận Tiễn Thành nhớ mà làm. Hai người [Tường và

Thuyết] ra bàn kín với nhau rằng được rồi mưu ấy bèn nhất định.

Đến lúc tuyên đọc tờ chiếu, Văn Tường cáo ốm không đứng vào ban đầu. Thuyết đứng vào bên Trần Tiễn Thành. Tiễn Thành đọc đến đoạn [bị Tụ quân xóa bỏ] đọc nhỏ hàm hồ không rõ. Văn Tường ở bên trái Đông làm ra vẻ quái lạ, nói rằng Tụ quân sao được dấu bớt di chiếu của tiên đế, bậy bạ không gì to hơn nữa, còn có thể nói theo tôn miếu, xã tắc được ư?

Tuyên đọc xong, hai người [Tường và Thuyết] hỏi vặn Tiễn Thành. Tiễn Thành biết là bị họ đánh lừa, nói chữa rằng có phải là không đọc đâu, nhưng lão phu có bệnh ho, đọc đến đây hết hơi, tiếng nhỏ mà thôi. Thuyết chứng tỏ là không phải, cho là càn bậy, cũng như lời Văn Tường nói rồi nhân phái quân túc vệ canh gác trong ngoài cung thành rất nghiêm (bắt hết cả người riêng của Tụ quân là bọn Nguyễn Như Khuê hơn 10 người cho đem gông cùm lại).

Hợp Hoàng thân và các quan ở Tả vu, hai người [Tường và Thuyết] tuyên bố về tội lỗi của Tụ quân, xin bỏ đi, lập vua khác.

Tiến Thành muốn can ngăn, Thuyết trừng mắt nhìn, nói rằng ông cũng có tội to, còn nói gì.

Trong khoa đạo có Chương ấn là Phan Đình Phùng tiến lên nói rằng tụ quân nếu có lỗi, chưa thấy can ngăn đã vội bàn như thế, việc bỏ vua dựng vua là việc to, lại dễ dàng quá thế.

Thuyết quát lên sai tả hữu đem Đình Phùng trói để lại ở trại quân Cẩm y bảo đợi để nghiêm trị. [Sau

bị cách chức, đuổi về quê] (Lúc bảy giờ 4, 5 người theo sau Đình Phùng nghe Thuyết hét trời Đình Phùng đều lui tan) cho nên Tiễn Thành và Hoàng thân các quan không ai dám trái, rồi cùng ký tên tâu xin ý chỉ của Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu truất bỏ đi.

Sai đưa Tụ quân về Dục Đức đường, canh phòng rất kỹ. Khi mật bàn người được lập, Văn Tường đề ý đến Hoàng tử thứ ba [Ứng Đăng], mà Thuyết thì cho là hoàng đệ Lãng Quốc Công [Hùng Dật] có tư chất thông minh, vốn quen biết sẵn, đề ý đến Lãng Quốc Công. Văn Tường tính là không tranh nổi, cũng theo lời ấy, rồi đem ý xin lập vua nhiều tuổi tâu trước cung Gia Thọ (tức Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu) để lãnh chỉ.

Được ý chỉ truyền rằng: *Hiện nay trong thì lo về vua mới mất, ngoài thì lo có giặc ngoại xâm, người ít tuổi thực không đương nổi. Nhưng thân này già cả, sao biết được, phần nhiều nhờ Tôn nhân, Phụ chính, đình thần cùng nhau chọn các hoàng đệ ai nên lập thì lập lên làm vua.* Thuyết bèn đến phòng cơ mật bảo bọn Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp, thị lang Lâm Hoành, Trần Thúc Nhận, Hoàng Hữu Thường, thị vệ đại thần Tôn Thất Thái rằng ngày nay phi tìm vua lớn tuổi cho xã tắc, không ai hơn Lãng Quốc Công, các ông phải nói [điều đó]..

Khi hội bàn ở Tả vu, Văn Tường và Thuyết hỏi trước các thân phiến, hoàng thân thì ai nấy đều nói rằng xin ba đại thần cùng đình thần liệu bàn. Tường, Thuyết lại hỏi đình thần, Nguyễn Trọng Hợp đề nghị Lãng Quốc Công.[tr. 208] Hùng Dật đứng

dậy khóc nói rằng: “Tôi là con út của tiên đế, tư chất tầm thường, không dám nhận.” Thuyết, Tường cùng các đình thần ký tên tâu xin ý chỉ của Thái hoàng Thái hậu lập Hường Dật. (47)

47. *DNTLCB*, IV, LXX, 35: 1881-1883, 1976:206-9.

Những chi tiết về việc sửa di chiếu chưa đủ soi sáng lý do truất phế Ứng Chơn. Không hẳn Tự quân bị phế chỉ vì trước ngày tôn quân đã gọi ba phụ chính đại thân vào bàn đoạn di chiếu “sắc cho răn bảo điều hay”—một cử chỉ chống lại thói quen chuyên quyền của hai Phụ chính Tường-Thuyết. Cuộc đảo chính này có thể còn liên quan đến những hành vi của Hoàng tử Chơn trước ngày Hường Thời mất. Tài liệu Pháp ghi Ứng Chơn liên hệ chặt chẽ với Đại biện Rheinart des Essarts, qua Linh mục Nguyễn Hữu Cư (Thơ)—người thay Nguyễn Hoàng cầm đầu ty Hành nhân. Chính Hoàng tử đã cho Rheinart biết tin Hường Thời chuẩn bị gửi sứ đoàn qua Yên Kinh cầu viện—một trong những “nguyên cớ” khiến Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ năm 1882. “B”—bí danh Rheinart đặt cho Ứng Chơn—còn cung cấp cho Đại biện Pháp thư từ mật trao đổi giữa Viện Cơ Mật và triều đình nhà Thanh. Yếu tố chủ hòa—hay bị Rheinart mua chuộc này—khiến phe chủ chiến khó tha thứ cho Ứng Chơn. Vì thế, sau khi giam tự quân, Tường và Thuyết vẫn chưa yên tâm. Hơn một năm sau, họ giết đi để trừ hậu hoạn. Theo tài liệu các giáo sĩ Pháp, Ứng Chơn bị bỏ đói cho tới chết vào ngày 24/10/1884 (tức mùng 6 tháng 9 năm Giáp Thân); sau khi Rheinart rời Huế. Xác bị vùi chôn không quan tài. Sau này khi Bửu



Chiêu [Lân] xây lăng, không đòi hài cốt. (Mức khả tín của những thông tin trên là một dấu hỏi, ít nhiều liên quan đến việc Giám mục Huế, Louis Caspar, và các thủ tục như Nguyễn Hữu Bài, Ngô Đình Khả nuôi ý định biến Bửu Lân thành một vua Ki-tô đầu tiên). Ngay đến vợ con Ứng Chơn cũng bị giam lỏng tới ngày Rheinart trở lại cùng bọn thông ngôn gốc Hải Nam Diệp Văn Cương. (48)

48. Rheinart, "Note sur Nguyen Van Tuong [1885];" SHAT, 10H xxx [3, d.8]; *DNTLCB*, V, LXIX, 36: 1883-1885, 1976:172-73.

Phần nhóm 14 người thân tín của Ứng Chơn bị xử trí như sau: Nguyễn Như Khuê bị án chém, giao cho phủ Thừa Thiên thi hành. Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Văn Thiêm bị tội lưu. Nguyễn Thúy, Ngô Oánh, Nguyễn Trục bị khổ sai ở đồn Trấn Lao. Nguyễn Văn Kham bị tội đồ. Bùi Huy Giản, Nguyễn Chính Hùng, Nguyễn Hữu Đôn, Hoàng Đình Lệ, Hồ Văn Thiệu, Lê Văn Bằng, Vũ Văn Tha đều được tha, giao cho dân xã quản thúc [tr. 210] Chỉ có Linh mục Nguyễn Văn Thơ, tức Cư; thoát nạn.

## **II. HƯỜNG THĂNG [DẬT] (HIỆP HÒA, 30/7-29/11/1883):**

Sau khi phế Ứng Chơn [tự quân Dục Đức], việc chọn vua mới khá gay go. Theo đúng thứ bậc, Ứng Kỳ, con nuôi thứ hai của Hường Thời, hoặc Ứng Hồ, tức Đăng, con nuôi thứ ba, phải được lên thay. Nhưng Hường Thời đã công khai loại bỏ cả Ứng Kỳ lẫn Ứng

Hỗ trong di chiếu ngày 17/7, nhấn mạnh trên yếu tố trưởng thành khi quyết định chọn Ứng Chơn. Bởi thế, ngày 23/7/1883, dù muốn đề cử Ứng Đăng, Nguyễn Văn Tường đành chiều lòng Tôn Thất Thuyết lập Hoàng Dật, lúc ấy đã 36 tuổi. Rồi hai Phụ chính uy hiệp các quan dâng biểu xin Từ Dụ lập một Hoàng tử lớn tuổi lên ngôi theo đúng tinh thần di chiếu của Hoàng Thời.

Sau khi Từ Dụ đồng ý chọn một trong các em của Hoàng Thời, Tôn Thất Thuyết áp lực nhóm quan ở nội các là Nguyễn Trọng Hiệp [Hợp], Lâm Hoành, Trần Thúc Nhận và Hoàng Hữu Thường, cùng thị vệ đại thần Tôn Thất Thái, phải tìm cách lập Hoàng Dật. Bởi thế, trong phiên họp Hội đồng Hoàng tộc và các triều thần, Hiệp đề cử Hoàng Dật. Mọi người chỉ biết ủy thác cho ba Phụ chính đại thần (Thành, Tường và Thuyết) quyết định. (49)

49. *DNTLCB*, IV, VI, 35:1881-1883, 1976:206-

9

Với sự thỏa thuận của Từ Dụ thái hậu, ngày 30/7/1883 [27 [Át Hợi]/6 Quý Mùi], Hoàng Dật đăng quang, tên thánh là Thăng, tức Hiệp Hoà (30/7-29/11/1883). (50)

50. *Thực lục* phụ chép vào mục Phế Đế; *DNTLCB*, IV, VI, 35:1881-1883, 1976:205-9;

#### A. PHÁP ĐÁNH THUẬN AN:

Giữa lúc cung đình Huế đang chìm trong cảnh tang tóc và trì trọng vì sự tranh chấp kế vị, đúng ngày 19/7/1883—tức ít giờ sau khi Hoàng Thời băng hà—Bộ

trường Hải quân & Thuộc địa Pháp, Charles Brun, chấp thuận kế hoạch do Jules Harmand đề xướng, nhằm khai thác cái chết của Hoàng Thời để thiết lập nền Bảo hộ. Nhận lệnh này khi đang cưỡi tàu *L'Illissus* từ Sài Gòn ra Bắc, Harmand gấp rút xúc tiến kế hoạch uy hiếp Huế, cùng tấn công các vị trí Thanh-Nguyễn tại Sơn Tây, Bắc Ninh và Tuyên Quang.

Ngày 30/7, khi tuyên cáo lên ngôi của Hoàng Thăng [Dật] công bố ở Hà Nội, Harmand họp với Đề Đốc Amédée Courbet và Tướng Bouet để bàn định kế hoạch đánh Thuận An hầu gây áp lực ký hòa ước bảo hộ. Ngày 11/8, Brun—qua Thống đốc Thomson—chấp thuận. Courbet lập tức mang 7 chiến hạm rời Hạ Long vào cửa Trà Úc gần Thuận An. Ba ngày sau, 14/8, Harmand cũng lên đường vào Huế. (51)

51. AMAE (Paris), *Documents diplomatiques [DD] II* (1883), pp 227-29, 187, 197.

Ngày 16/8, Courbet bắt đầu thám sát các công sự phòng thủ tại Thuận An. Triều đình cử Nguyễn Thành Ý tới thương thuyết nhưng bị từ chối tiếp kiến. Trước đó không lâu, Pháp đã trục xuất Khâm phái Ý khỏi Sài Gòn vì lập trường chống Pháp. Ngày 20/8, quân Pháp đổ bộ đánh phá đồn Trấn Hải. Quan phòng thành là Hữu quân Lê Sỹ, Thống chế Lê Chuẩn, Tham tri Lâm Hoàn và Chương vệ Nguyễn Trung đều tử trận. Ba ngày sau, 23/8, Harmand ra tối hậu thư, với hai điều kiện hoà hay chiến. Muốn hoà, triều đình Huế phải chấp nhận sự bảo hộ của Pháp, cắt Bình Thuận sát nhập vào Nam Kỳ, chấp nhận một Trú sứ Pháp bên cạnh Khâm lược Việt ở Hà Nội, và viên chức này sẽ chịu trách nhiệm về thuế

quan. Triều đình Huế chỉ có 24 giờ để trả lời. Nguyễn Văn Tường cử Nguyễn Trọng Hợp tới Thuận An xin thương thuyết. Trần Đình Túc, dù đã về hưu, được gọi ra làm Chánh sứ.

#### B. QUI ƯỚC HARMAND (25/8/1883):

Dù phải thương thuyết trước họng súng, Tường chưa chịu chấp nhận ngay đòi hỏi “bảo hộ” [*Protectorat*], mà đề nghị sử dụng chữ “bảo trợ” [*protection-assistance*], và đề trao đổi, sẽ cắt thêm tỉnh Bình Thuận cho Pháp.

Harmand không chỉ đòi cho bằng được hai chữ “Bảo hộ” mà muốn lấy thêm cả Bình Thuận. Cuối cùng, ngày 25/8/1883 (23/7 Quý Mùi), Tường phải chấp nhận. Ngày này, Tường, Túc, cùng Hợp ký với Harmand và Louis Palasne de Champeaux một tạm ước. Trong số 27 điều khoản, quan trọng nhất có:

- Đại Nam chấp nhận sự “**bảo hộ**” của Pháp; Pháp phụ trách ngoại giao, **kể cả với Trung Hoa (điều 1)**;

- Từ Bình Thuận vào Nam cắt cho Pháp, trừ vào số tiền nợ. Từ Đèo Ngang trở ra, quân Pháp có quyền đặt “trú sứ” [*résident*], kể cả Thanh Hoá và Nghệ An, và có lực lượng quân sự đủ dùng;

- Đại Nam hứa sẽ triệt thoái các đơn vị chủ lực về các vị trí cũ;

- Khâm sứ Huế có quyền được gặp mặt Vua;

- Pháp nắm trọn việc thu thuế hải quan, mỗi năm trả cho vua Việt ít nhất 2 triệu thuế và hải quan ở Bắc;

- Pháp được thiết lập đường giây điện tín từ Sài Gòn ra Huế; và

- Đơn vị tiền tệ Nam kỳ (đồng vàng [piastre] Mexico) được lưu hành trên toàn vương quốc. (52)

52. *ĐNTLCB*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:223-25; CĐ ngày 25/8/1883, MAE (Paris), *DD II* (1883), pp 201-2; Note ngày 3/6/1884 của Rheinart, pp 168-69; Nguyễn Văn Phong 1971:244.

Qui ước ký xong, Trung tá Louis Palasne de Champeaux ở lại Huế làm Khâm sứ. Harmand cùng Nguyễn Trọng Hiệp ra Bắc lo giải quyết mọi việc. Hường Thằng còn cử thêm Hoàng thân Hường Phì, Tham tri bộ Lại, đi theo để dàn xếp việc giải giới ở miền Bắc, với mật Dụ triệu hồi các tướng chủ chiến như Hoàng Kế Viêm, Tạ Hiện, Nguyễn Thiện Thuật, v.. v...

Hường Thằng—với sự yểm trợ của Tuy Lý Vương Miên Trinh, cùng Hường Phì và Tham biện Nội các Hường Sâm—chủ trương tôn trọng hòa ước mới ký kết. Quan điểm hiếu hòa này phần nào do triều đình đang rơi vào tình thế cực kỳ khó khăn. Tờ Dụ của Hường Thằng gửi các quan tướng miền Bắc yêu cầu thi hành Hiệp ước Harmand, phản ảnh rõ khổ tâm: Thi hài Hường Thời còn liệm trong hoàng thành, chưa thể đưa tới lăng Khiêm cung; Tờ Dụ và Trang Ý đều đã lớn tuổi, không muốn chiến tranh. (53)

53. *ĐNTLCB*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:227, 235, 237.

Trong khi đó, dư luận vô cùng hoang mang. Dân kinh đô và các tỉnh lân cận bỗng bết nhau tị nạn. Giới

chủ chiến thì hô hào phải đánh giữ đến cùng. Chẳng hạn như khi được tin thành Hải Dương thất thủ, quan chức bị Pháp bắt cầm tù, có người tự vẫn để tránh bị nhục, học trò Quốc Tử Giám làm sớ xin tình nguyện tòng quân. (54)

54. *Ibid.*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:225.

Đề dò ý nhà Thanh, Hoàng Thăng từng gửi mật thư cho Tổng đốc Lương Quảng than phiền việc bị quân Pháp ý mạnh, ức hiếp phải ký Hiệp ước. Trong thư hồi âm, Tuần phủ Quảng Tây là Nghê Văn Úy [Uất?] không đưa ra đề nghị trợ giúp thiết thực nào, mà chỉ muốn cử người qua sắc phong cho Hoàng Thăng. Vua chỉ còn biết sai Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Hữu Thợ (Cư) thông báo với Palasne de Champeaux đề nghị của nhà Thanh. (55)

55. *Ibid.*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:226, 246.

Vua còn cử Miên Trinh làm đặc sứ liên lạc với de Champeaux, và đồng ý tiếp kiến riêng Khâm sứ Pháp. (56)

56. *Ibid.*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:253-54, 255.

Chính sách sống chung hòa bình—hay chủ hòa—này không làm hài lòng hai Phụ chính Tường và Thuyết. Tuy nhiên, họ chỉ âm thầm theo dõi mọi hành vi của vua cùng nhóm hoàng thân hầu cận. Quyền lực thực sự vẫn nằm trong tay Phụ chính Thuyết, với một số ít cộng sự viên đặc lực như Ông Ích Khiêm, Trương Văn Đễ, Trần

Xuân Soạn, v.. v... Ngoài ra, còn một đơn vị đặc biệt là *Phấn Nghĩa quân* đang thành hình, dưới quyền Kỳ nội hầu Hường Chuyên và phò mã Đặng Huy Cát.

Thuyết còn có kế hoạch phát triển các doanh điền sứ ở Cam Lộ (Quảng Trị), Hà Tĩnh, v.. v... thành mật khu kháng chiến. Nhưng giống như Nguyễn Tri Phương đã bị phần ghi nhận từ thập niên 1860, mọi kế hoạch mật của triều đình đều không lọt khỏi màn lưới tình báo giáo dân và giáo sĩ Ki-tô của Pháp. (57)

57. *ĐNTLCB*, IV, 31:1870-1873, 1975:37-40.

### C. PHẢN ỨNG CỦA NHÀ THANH:

Ngày 18/9/1883, sứ thần nhà Thanh ở Bri-tên là Tăng Kỷ Trạch xin yết kiến Thủ tướng Ferry, chính thức phản đối việc ký Qui ước Harmand. Quân Thanh cũng được lệnh chuẩn bị cố thủ vùng trung và thượng du Bắc Kỳ, và bí mật gửi vũ khí đạn dược cho Lưu Vĩnh Phúc.

Nguyên từ mùa Hè 1883, sau khi Pháp triệu hồi đặc sứ Bourée và cử Arthur Tricou, nguyên Đại sứ tại Nhật qua thay với nhiệm vụ giao tối hậu thư cho Tổng lý Nhà môn, Lý Hồng Chương đã yêu cầu đại sứ Mỹ ở Yên Kinh là John R Young đứng làm trung gian. Khi ký kết hòa ước 1858 với Trung H0a, Liên Bang Mỹ hứa sẽ can thiệp nếu được yêu cầu. Hơn nữa, tục quán của nước Mỹ là dành ưu tiên hàng đầu cho thương mại, và đặt nhẹ yếu tố thực dân. Ngày 7/8, Tăng Kỷ Trạch cũng nhờ Đại biện Mỹ ở Paris chuyển cho Bộ Ngoại Giao Pháp lập trường 6 điểm của nhà Thanh:

1. Pháp không được chiếm bất cứ một phần lãnh thổ nào của vương quốc An-Nam ngoại trừ 6 tỉnh miền Nam đã lấy trong hai năm 1862 và 1867.

2. Liên hệ chur hầu giữa An-Nam và Trung Hoa không thay đổi.

3. Pháp phải triệt thoái khỏi những lãnh thổ và thành phố đã chiếm ở Bắc Kỳ; mở cửa một số hải cảng cho việc giao thương và tại những nơi này các cường quốc có quyền lập tòa lãnh sự giống như các hải cảng Trung Hoa.

4. Sông Hồng phải được mở rộng giao thương đến Thuận Hồ (Việt Trì?) quan, nằm trên nhánh tả của sông Hồng, và đối diện thành Sơn Tây. Đây sẽ là nơi trao đổi hàng hoá từ Vân Nam và các vùng phụ cận.

5. Trung Hoa sẽ dùng ảnh hưởng để bảo đảm tự do giao thương trên sông Hồng, và tránh được việc sử dụng vũ lực chống lại quân Cờ Đen.

6. Tất cả những hoà ước mới giữa Pháp và Đại Nam phải được sự chấp thuận của Trung Hoa. (58)

58. AMAE (Paris), *DDII* (1883), pp 188-89; Robert H Miller, *The United States and Vietnam, 1787-1941* (Washington, DC: National Defense Univ. Press, 1990), p 92. Chúng tôi chưa được tham khảo tài liệu gốc bằng Hán ngữ, nên tạm dùng quốc hiệu Đại Nam thay vì Annam trong các bản dịch Pháp và Anh ngữ. Từ năm 1838, Nguyễn Phước Đảm đã đổi quốc hiệu thành Đại Nam hay Đại Việt Nam cũng được. *ĐNTLCB*, II, CXC [190], XX:1838-1839, 1968:65-66. Trong văn thư gửi Bộ Ngoại Giao Pháp, Tổng Lý Nha Môn nhắc đến “tên cũ là nước Việt Nam.” Ngày 6/6/1884, Khâm sứ Rheinart từng ném một quả ấn bạc của nhà Thanh ban cho vua Nguyễn, khắc chữ “Việt Nam Quốc



Vương Chi Ân” bằng Hán ngữ và tiếng Mãn Châu vào lò rèn, thổi bể hủy đi. Không rõ chiếc ấn này do Ngung Diễm ban cho Nguyễn Phước Chung ngày 23/2.1804; hay, ấn ban cho Hoàng Thời ngày 8/9/1849 tại Huế.

Nhưng khi Brulatour gặp Challemel-Lacour, Ngoại trưởng Pháp khéo léo khước từ sự trung gian của Mỹ bằng cách đặt vấn đề tại sao đại sứ Thanh không trực tiếp liên lạc với Quai d'Orsay. Bởi thế, ngày 18/8, Trạch gửi văn thư cho Challemel-Lacour tái xác định lập trường 6 điểm nói trên. Chín ngày sau, 27/8, Challemel Lacour trả lời không thể chấp nhận. Dầu vậy, Pháp sẽ đồng ý giải quyết các vấn đề an ninh biên giới, dẹp phi, và bảo vệ quyền lợi các Hoa thương lưu thông trên sông Hồng. (59)

59. MAE (Paris), *DD II* (1883), pp 197-99, 230-31.

Ngày 7/9, Challemel-Lacour cũng thông báo cho Đại biện Tricou là đã đề cử Jules Patenôtre làm Đại sứ, và yêu cầu Tricou ở lại Thượng Hải cho tới ngày Patenôtre đến nhiệm sở. Một tuần sau, ngày 15/9, Challemel-Lacour còn nhấn mạnh với Trung Hoa là Pháp không chấp nhận chia Bắc Kỳ thành hai vùng “mỏ” và “gạo” trong văn bản [Memorandum] giữa Bourée và Lý Hồng Chương vào cuối tháng 12/1882. Rồi đưa ra hai đề nghị mới:

*1. Lập một khu phi quân sự giữa hai vĩ tuyến 21 và 22.* Các quan Việt tiếp tục cai trị vùng này; nhưng không được xây đồn lính. Chính phủ Pháp và

Trung Hoa, hoặc hợp đồng, hoặc đơn phương, sẽ đưa quân vào vùng này để truy lùng tội phạm, hay tái lập trật tự, với sự đồng ý của cả hai bên. Sau đó, lực lượng quân sự này phải triệt thoái ngay.

*2. Thị trấn Mạn-hậu trên sông Hồng, thuộc lãnh thổ Vân nam, sẽ được mở ra cho việc giao thương.* (61)

61. MAE (Paris), *DD II* (1883), pp 212-14. Theo Đại tá Phạm Văn Liễu, Mạn-hậu nằm trên đường từ Lào Kay tới Mông Tự, Vân Nam; nơi khoảng năm 1946 những người lớn tuổi còn nói được tiếng Việt..

Ba ngày sau, 18/9, Ferry tiếp Tăng Kỳ Trạch. Trước hết, sứ nhà Thanh hỏi Ferry phải chăng hai điểm căn bản của việc thương thuyết là: (1) lập một vùng trung lập [*zone neutre*], và (2) mở miền Nam Trung Hoa cho việc giao thương. Ferry trả lời rằng đề nghị vùng trung lập nhằm đáp ứng đề nghị ba tháng trước của Trạch, tức lập vùng trái độn [*tampon*] giữa các cường quốc Âu châu và Trung Hoa. Việc mở Vân Nam cho việc giao thương nhằm giải quyết liên hệ thương mại giữa hai nước, một khi đã vẫn hồi trật tự.

Trạch cho rằng một vùng trung lập chưa đủ bảo đảm, mà cần ký một Tạm ước. Về địa điểm Mạn Hậu, thị trấn này không thể thông thương bằng đường sông, nên đề nghị thay bằng Sơn Tây, hoặc một điểm nào đó trên sông Hồng thuộc lãnh thổ Đại Nam. Một trong những lý do là một số người Hoa chủ chiến không tán thành việc mở Trung Hoa cho việc giao thương. Về Giặc Cờ Đen, đề nghị Pháp để Trung Hoa giải tán nhóm

này một cách ôn hòa. Ferry không đồng ý, khẳng quyết phải dùng võ lực vì Giặc Cờ Đen không tuân theo luật pháp Trung Hoa. Trả lời câu hỏi cách nào để khởi đầu thương thuyết, Ferry nói Đại sứ Pháp tại Yên Kinh muốn nhận được trả lời đề nghị ngày 15/9/1883. Về vấn đề vùng trung lập, hai bên có thể lập một ủy ban cứu xét chi tiết ranh giới. (60)

60. MAE (Paris), *DD II* (1883), pp 215-21.

Thương thuyết giữa Pháp và Trung Hoa vẫn tiếp tục ở cả Yên Kinh lẫn Paris. Ngày 26/9, Tricou báo cáo rằng Lý Hồng Chương muốn chia Bắc Kỳ làm hai [2] phần. Ngày này, tại Paris, Ferry cho Trạch biết Pháp không muốn chọn sông Hồng làm ranh giới khu trung lập. Trạch bèn **tổ ngược** lại là **Trung Hoa muốn phần lãnh thổ được chia cắt sẽ vào tới tận Quảng Bình** (khoảng vĩ tuyến 18 Bắc). (61)

61. MAE (Paris), *DD II* (1883), pp 222, 225-26.

Bốn ngày sau, 30/9, Tricou lại báo cáo Lý Hồng Chương có “ý kiến cá nhân” là muốn đạt thỏa thuận trước khi Tricou về nước, và nếu Tricou trở lại Thiên Tân, Chương có thể đưa ra một sơ thảo hiệp ước về biên giới. Theo Tricou, Chương muốn được một phần lãnh thổ của Đại Nam để hành xử chủ quyền bảo hộ, nhưng đây là một việc nguy hiểm, sẽ tạo nên những hiểm khích bất tận. Như một biện pháp dự phòng, Tricou đề nghị gửi thêm tăng viện tới miền Bắc trước khi ký hoà ước. (62)

62. MAE (Paris), *DD II* (1883), p 254.

Ngày 1/10 và rồi 6/10/1883, Ngoại trưởng Pháp lại gặp Trạch nhưng không đạt được kết quả nào. Ngày 6/10, sau buổi gặp Cung [Gong] Thân vương, Tricou báo cáo là Trung Hoa dường muốn chờ xem Pháp có khả năng đánh bại quân Cờ Đen ở Bắc Kỳ hay chăng. (63)

63. MAE (Paris), *DD II* (1883), p 254.

Ngày 15/10/1883, Trạch trả lời văn thư ngày 15/9/1883, đồng ý lập một khu trung lập giữa vĩ tuyến 20 và Quảng Bình. Mở Thuận rô (?) quan, đổi diện Sơn Tây, cho việc buôn bán; Ibid., II:236-40.

Trong khi báo cáo của Tricou đang trên đường về Pháp, ngày 23/10, Challemel-Lacour cho lệnh Tricou trở lại Nhật vào ngày 27/10, bàn giao cho Tử tước de Sémallé làm đại biện. Ngoại trưởng Pháp cũng khẳng định không chấp nhận đề nghị của Trung Hoa. (64)

64. MAE (Paris), *DD II*, (1883), p 242.

Rồi, ngày 31/10, Quốc hội Pháp bỏ phiếu chấp thuận (với số phiếu 325 thuận, 155 phiếu chống) chính sách của chính phủ tại Bắc Kỳ. (65)

65. MAE (Paris), *DD II*, (1883), p 244. Ngày 5/11/1883, Tăng Kỳ Trạch viết thư cho Challemel Lacour, cải chính nội dung công điện của Tricou mà Ferry đã đọc trước QH ngày 31/10/1883: Lý Hồng Chương không hề mời Tricou ở lại; Ibid., pp 252-53.

Ngày 17/11/1883—tức sau khi nhận được văn thư ngày 5/11 của Trạch gửi Challemel Lacour, cải chính nội dung công điện của Tricou mà Ferry đã đọc trước QH ngày 31/10/1883: Lý Hồng Chương không hề mời Tricou ở lại— Ferry cho Trạch biết là đã cho lệnh binh sĩ Pháp đánh chiếm một số cứ điểm ở Bắc Kỳ, đặc biệt là Sơn Tây, Bắc Ninh và Hưng Hoá. Pháp đề nghị các cấp chỉ huy quân sự của hai nước có thể liên lạc trực tiếp hầu định rõ ranh giới đóng quân; và, Đề Đốc Amédée Courbet được ủy toàn quyền lo định việc này. (66)

66. Ngày này, Trạch gửi cho Ferry một thư tương tự như thư ngày 5/7/1883; MAE (Paris), *DD II* (1883), pp 256-57. Ngày 19/11/1883, Ferry trả lời thư ngày 17/11 của Tăng, nội dung tương tự như thư ngày 17/11/1883; *Ibid.*, II:257-58.

Hai ngày sau, Trạch chuyển cho Ferry bản sao thư của Tổng Lý Nha Môn gửi Đại biện de Sémallé, nhấn mạnh rằng Trung Hoa muốn giữ hoà khí, nhưng nếu Pháp bất kể uy tín và danh dự, tiếp tục xâm lấn những vùng đất do quân Thanh đóng tại Bắc Kỳ, đó là chính nước Pháp muốn phá vỡ hòa bình. Ngày 22/11, Ferry trả lời rằng sẵn sàng thương thuyết. Bốn hôm sau, 26/11, Trạch lập lại đề nghị chọn một giới tuyến chia Hà Nội và Sơn Tây, và hai bờ sông Hồng. Nhưng ngày 30/11, Ferry bác bỏ. (67)

67. MAE (Paris), *DD II* (1883), pp 259-60, 260-61, 265-68.

#### D. BIẾN LOẠN Ở BẮC KỲ:

Thời gian này, tình hình Bắc Kỳ đang hỗn loạn. Nhà Thanh sai nhiều đạo quân sang “giúp” quân Nguyễn. Tại Sơn Tây có Đường Cảnh Tùng; Bắc Ninh có Từ Diên Húc. Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ Đen—đã được mật chỉ của Yên Kinh nhìn nhận là quan quân Thanh—đóng tại Đồn Phùng. Phần quan tướng Nguyễn, Hoàng Kế Viêm đóng ở Sơn Tây; Trương Quang Đản phòng ngự Bắc Ninh. Do sự yêu cầu của Khâm sứ Palasne de Champeaux, Huế xuống lệnh ngưng chiến và triệu hồi Kế Viêm, Đản cùng một số quan tướng về kinh. Thống chế Viêm không tuân lệnh. Nhiều quan tướng bỏ nhiệm sở hay nộp ấn từ chức mộ quân đánh Pháp.

Nhờ sự giúp đỡ của các giáo phận Ki-tô, Harmand tổ chức những đơn vị tuần cảnh (sau này thường gọi là khổ xanh) để phòng giữ các nơi, và giải tán đội lính Cờ Vàng vì mấy trăm lính đánh thuê này vô kỷ luật, hay cướp bóc dân lành. Việc làm của Harmand khiến Bouet vô cùng bất mãn.

Để chuẩn bị cho cuộc đương đầu khó tránh ở miền Bắc, từ ngày 23/9, Pháp thành lập Quân Đoàn Viễn Chinh dưới quyền Trung Tướng Charles Millot để trực xuất quân Thanh khỏi Bắc Kỳ. Quân đoàn này gồm ba [3] đơn vị lớn, dưới quyền Thiếu tướng Louis Brière de l'Isle (Lữ đoàn 1), Tướng Francois de Négrier (Lữ đoàn 2), và Trung tá Alphonse Duchesne (Dugène, Trung đoàn tạm thời số 2). Dù Millot chưa kịp nhận bàn giao, trận thử lửa đầu tiên diễn ra ngày 25/9 tại Đồn Phùng, Sơn Tây. Các đơn vị của Bouet quần thảo ác liệt với quân Cờ Đen trọn ngày. Cả hai bên đều thiệt hại nặng.

Vì bất bình với Harmand, Bouet xin về nước. Phụ tá của Bouet là Đại tá Bichot tạm kiêm nhiệm. Nhận thêm

viện binh, Bichot đưa quân xuống chiếm Ninh Bình. Phần Harmand cũng xin từ chức vì không hài lòng việc quyền hành tập trung vào tay giới quân sự. Vì Millot còn ở Pháp, ngày 17/10 Paris cử Đề Đốc Courbet làm Tư lệnh quân viễn chinh, kiêm Tổng trú sứ Trung-Bắc Kỳ, thay Harmand. Tuy nhiên, tới ngày 20/12/1883—sau khi hoàn tất việc tổ chức Sở Chính Trị và Dân sự Bắc Kỳ—Harmand mới về nước.

Ngày 17/11, Tướng Thanh phản công, mang khoảng 3,000 binh sĩ đánh thành Hải Dương do Pháp chiếm đóng. Tàu *La Carabine* bỏ chạy sau khi chết 8 người. Đại úy Bertin từ đồn gần đó tới tiếp cứu. Nhờ sự yểm trợ hỏa lực của tàu *Lynx*, quân Pháp đẩy lui quân Thanh, rồi bắt quan Việt giải vào Sài Gòn, đẩy ra Côn đảo. Ngày này, Courbet cũng quyết định sẽ đánh chiếm Sơn Tây, tổng hành dinh của liên quân Thanh-Nguyễn.

Từ thập niên 1860, Hoàng Kế Viêm đã xây dựng Tổng hành dinh của mình khá kiên cố. Viêm không đóng quân trong thành, mà lập vị trí phòng thủ ở phía nam.

Đầu tháng 9/1883, Bouet đã sử dụng đã sử dụng 12 tàu chiến và hơn 2,000 quân tiến lên Sơn Tây, bị quân Thanh Nguyễn chặn lại ở các xã Thượng Mỗ và Hạ Mỗ (phủ Hoài Đức) và Đoàn Khê (huyện Đan Phượng). Hai bên quần thảo suốt ba ngày. Quân Thanh bèn phá đê cho nước ngập lụt, khiến Pháp phải lui quân. Ba tàu Pháp bị vỡ, 300 bị thương vong. (68)

68. *DNCBLT*, II, LXX, 35:1881-1883, 1976:236-37.

Lần này, Bichot tung vào mặt trận một lực lượng hung hậu. Theo sử nhà Nguyễn, Pháp tăng viện “hơn 7,000 tên lính, kể cả lính A Rập, bọn lính thú Sài Gòn (giám binh), lại có lính mộ ma tà tức bọn vô lại giáo dân. Tàu thuyền lớn nhỏ 15 chiếc, chiến xa có đại bác vài trăm chiếc.” (69)

69. *DNTLCB*, V, I, 36:1883-1885, 1976:48.

Lực lượng Pháp chia làm hai cánh tiến về Sơn Tây. Quân Cờ Đen ráo riết tổ chức đánh trả. Để khích động tinh thần thuộc hạ, ngày 11/12, Lưu Vĩnh Phúc treo tiền thưởng đầu lính Pháp và các cộng sự viên. (1) Giết 1 lính Tây, được 100 lạng; Nếu có cấp bậc, thêm 20 lạng; (2) 50 lạng một đầu lính lê-dương hay Turco; (3) 40 lạng một lính Việt; (4) 10 lạng một tin đồ Ki-tô. (70)

70. SHAT (Vincennes), 10H xxx [1].

Ngày 13/12, hai cánh quân thủy bộ Pháp bắt tay nhau, rồi hợp sức tấn công cứ điểm quân sự quan trọng nhất của Hoàng Kế Viêm và Lưu Vĩnh Phúc—niêm vịnh dự quân sự cuối cùng còn sót lại của nhà Nguyễn tại miền Bắc. Sau bốn ngày giao chiến đẫm máu, Pháp chiếm được thành. Thống chế Viêm rút về đồn Thục Luyện. Vĩnh Phúc lui giữ Hưng Hóa (Tuyên Quang). Quan tỉnh bỏ đi, không người cai trị. Nguyễn Hữu Độ cử Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến làm quyền Tổng đốc, và Thành Ngọc Uẩn làm quyền Bố chính, nhưng Tam Nguyên Yên Đổ và Uẩn không nhận. Độ bèn cử hai giáo dân Ki-tô là Tú tài Nguyễn Văn (Nguyễn Trần Cát) và Nguyễn Hậu, quản lý sở thương chính, điền vào. Nguyễn Văn, một phó tế thân tín của



Giám mục Colomer từng bị can án làm giặc. Viện Cơ Mật xin cử Nguyễn Trọng Hợp thay làm Tổng đốc Sơn Tây. Pháp đưa Nguyễn Văn về Hà Nội. Sau này, Nguyễn Văn trở thành một lãnh tụ kháng Pháp. Nguyễn Hậu sau bị can án, đùoi về; (71)

71. *ĐNTLCB*, V, II, 36:1883-1885, 1976:74-5.

#### E. HƯỜNG THĂNG BỊ GIẾT:

Thời gian này, tại triều đình lại có biến động. Ngày 29/11/1883 Hường Thăng bị đảo chính rồi giết chết trên đường từ cung điện về phủ cũ ở Phú Xuân.

Sử nhà Nguyễn mặt (được hoàn tất dưới thời Pháp thuộc) qui trách nhiệm giết vua cho Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết. Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*:

Trước đây Phế đế [Hường Thăng] đã nối ngôi, Tường, Thuyết cậy công tôn lập lên, việc gì cũng chuyên quyền làm bậy. Vua ghét hai người ấy, muốn tước bớt quyền đi. Cho nên ngoài mặt vẫn hậu đãi, quý trọng mà trong cũng ức chế nhiều (Như việc đổi Thuyết sang Bộ [Lễ, rồi bộ] Lại, không cho giữ binh quyền. Lại tờ tâu của 6 bộ, đều giao cho nội các duyệt tâu, không chuyên giao cho hai người ấy). Gặp khi những người thân tín của vua là tham tri bộ Lại [Hường] Phì, tham biện Nội Các là [Hường] Sâm, đều có tờ mật tâu xin bỏ kẻ quyền thần, vua nhân cùng Hường Phì, Hường Sâm mật mưu việc ấy. Cha Hường Tu, Hường Sâm là Tuy lý vương Miên Trinh, đều có dự mưu. Tường, Thuyết đã biết việc ấy.

Vua lại muốn dùng mẹo để hai người giết nhau. Triệu Tường vào nói chuyện, thì bảo Tường là người trung thành, vẫn rất tin cậy; còn Thuyết rất ngang ngược, dặn Tường phải tìm cách bỏ Thuyết đi. Thuyết vào hầu vua cũng nói thế. Hai người đem lời nói ấy mật báo nhau, nhân mưu việc bỏ vua mà lập vua khác. Thuyết bèn lấy cớ là Thuận An sau khi thất thủ, phủ hạt Thừa Thiên bất an, nên phải tìm cách bảo vệ gia hương, phát hồ phù ra mật sai mộ nhiều hương dũng, giao cho Kỳ nội hầu Hường Chuyên, và Phò mã Đặng Huy Cát cai quản.

Khi Palasne de Champeaux tới Huế, Tường và Thuyết tránh mặt. Lại nghi vua sai Miên Trinh cầu cứu người Pháp, nên đêm 28 rạng 29/11/1883 [29/10 Quý Mùi] Thuyết phong tỏa cung cấm, tập hợp mộ dũng ở phía Nam sông Hương. Ông Ích Khiêm và Trương Văn Để cũng mang quân đóng ở sở Tịch điền. Đồng thời mời tất cả các quan ở ngoài Hoàng thành tới trụ sở bộ Hộ của Tường họp mật. Tường và Thuyết nêu đề nghị truất phế Hường Thăng, đưa Hoàng tử thứ ba là Ứng Hồ, tức Đăng, lên làm vua. Sau đó cho người đi đón Ứng Hồ về gần sở Tịch điền. Chiều hôm sau, [29/11/1883], Thuyết và Tường đưa Ứng Hồ vào cung, triệu tập Hội đồng Tôn nhân phủ. Không một ai dám chống đối. (72)

72. *ĐNTLCB*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:255-60.

Miên Trinh bèn cùng Hường Tu, Hường Sâm mang gia quyến qua tòa trú sứ Pháp xin tị nạn. Ngày

10/12/1883, Le Myre de Vilers điện báo về Paris là Hường Thăng từng sai Tuy Lý Vương qua gặp de Champeaux xin che chở trong trường hợp nguy khốn; và, Champeaux đồng ý (73)

73. *ĐNTLCB*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:255-60.; CAOM (Aix), c.16, A-30 (58).

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết yêu cầu Trần Tiễn Thành tham gia đảo chính, nhưng Thành nêu lý do già nua, xin đứng ngoài. Thực ra, Thành vốn chủ hòa, từng tiếp xúc mật với nhóm Miên Trinh, Hường Sâm, Hường Phi. Ngay đêm 29 rạng ngày 30/11/1883, “trộm” vào nhà Tiễn Thành, giết chết Tiễn Thành cùng một tì thiếp. Ai cũng cho rằng Thuyết và Tường chủ mưu. Ít lâu sau, khoảng tháng 4/1884, Kỳ Ngoại hầu Hường Chuyên (con Trần Định quận công Miên Niết) bị kết tội “xúi bợn đồ đảng giả làm quan quân giết chết thượng thư Thành, cướp của cải.” Chuyên phải đổi qua họ Phan của mẹ, kết án trăm quyết. Sau được gia ơn hoãn quyết, giam cầm chờ lệnh. (74)

74. *ĐNCBLT*, II, q.32, 4:171; *ĐNTLCB*, V, III, 36:1883-1885. 1976:101. Đào Duy Anh nêu tên thủ phạm là nhóm Hường Hàng, Hường Chúc và Hường Tế, cháu nội Nguyễn Phước Đám, mang quân “Phấn nghĩa” tới giết Tiễn Thành và người vợ thứ tư trong đêm cuối tháng 10 Quý Mùi; Idem., 1944:153-54. Theo tài liệu Nguyễn, *Phấn Nghĩa quân* chính thức thành lập ngày 28/11/1883. Vào đầu năm 1884, đặt dưới quyền Đề đốc Trần Xuân Soạn.

Sử Nguyễn chép thêm về cái chết của Hường Thăng:

Lúc bấy giờ, vua sai thái giám là Trần Đạt đem tờ chiếu nhường ngôi, yêu cầu rút lui về phủ cũ. Tường và Thuyết giả cách nhận lời, sai Tôn Thất Thạ đem võng đưa vua cùng phi tần và nội cung cho về phủ cũ ở địa phận xã Phú Xuân. Nhưng mật dặn riêng Ông Ích Khiêm và Trương Văn Để trực trước cửa Hiền nhân, đón đường sai đưa vua về nhà Hộ thành (tức Phủ Dục Đức cũ), cho uống thuốc độc giết đi. Khi đến đây, Ích Khiêm và Văn Để cho thuốc độc vào nước chè, bắt vua uống. Vua không chịu. Văn Để ra lạy khóc khuyên rằng: Vua, tôi đã đến lúc biến không thể làm thế nào được. Vua nói rằng: “Ta lại không bằng được Thụy quốc công [Ứng Chơn] ru?” Còn lần chần chưa kịp uống, Ích Khiêm bèn mang nước chè ấy đổ vào miệng vua. Lập tức phát lên như người phải gió. Một lúc lâu Trần Xuân Soạn ra truyền nói rằng: nếu để chậm quá sẽ phải tội nặng, lập tức lấy tay bóp họng vua lè lưỡi, lòi mắt ra rồi vua mới chết. Đến lúc đưa vua về phủ, thấy chỗ cổ họng vua sưng như cái cung giương lên, ai thấy cũng làm lạ. Ích Khiêm, Văn Để vào báo rằng: Lãng Quốc Công đến đây đã uống thuốc độc chết rồi. (75)

75. *ĐNTLCB*, IV, LXX, 35:1881-1883, 1976:259.

Đào Duy Anh thêm chi tiết Ông Ích Khiêm dùng ba khúc gỗ đâm vào cuống họng, ngực và bụng cho Hường

Thăng mau chết. Cuồng hòng vua bị vỡ; trong khi ruột gan lòi ra từ vết thương ở bụng. (76)

76. Đào Duy Anh, 1944:152. Theo một nguồn tin Pháp, Tường đích thân bóp cổ Hường Thăng; A. Bouinain và A. Paulus, *L'Indochine française contemporaine*, 2 tập (Paris: Challema, 1885), p 274. Kỹ thuật dùng “lịch sử” cho những mục tiêu chính trị giai đoạn này là một thông lệ hơn biệt lệ trong những nghiên cứu về Việt Nam dưới thời Pháp thuộc.

Hơn hai thập niên sau, dòng dõi Hường Thăng nhiều lần khiếu nại về cái chết tức tưởi của “Phế đế.” Theo họ, Hường Thăng là người đầu tiên, sau Nguyễn Phước Chung, bày tỏ lòng trung thành với Pháp. Hường Thăng từng gửi Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hiệp và Hường Phi ra Bắc cho lệnh Hoàng Kế Viêm giải giới và chuyên quân Cờ Đen đi xa Hà Nội. Ngoài ra, vua có ý tôn trọng Hòa ước Harmand. Ngày 29/11/1883 [30/ 10 Quý Mùi], Hường Thăng tiếp Khâm sứ de Champeaux theo đúng qui định của Hiệp ước. Đêm đó, Tường và Thuyết xâm nhập cung đình, giết vua. Con cháu bị đày lên Lao Bảo.

Việc khiếu nại trên xảy ra lần đầu tiên năm 1904, và kéo dài tới 10 năm sau. Ngày 16/11/1904, hai con của Hường Thăng là Ứng Niên và Ứng Chuân khiếu nại về việc bị bạc đãi, đồng thời tố cáo Tường và Thuyết giết Hường Thăng ngày 29/11/1883. Ngày 12/7/1910, một người con khác là Ứng Cung, Bang biện phủ Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, than phiền về việc Hường Thăng. Ba năm sau, tháng 5/1913, Ứng Cung và Ứng

Niên lại nộp đơn khiếu nại về việc bị bạc đãi. Ngày 9/7/1913, Khâm sứ Jean Charles báo cáo với Toàn quyền Albert Sarraut về những khiếu nại của con cháu Hoàng Thăng như sau: Ứng Cửng nhiều lần than phiền để xin việc làm với Levecque, và rồi Charles, hoặc Công sứ Phan Thiết. Thực tế, Bửu Trác, cháu đích tôn của Hoàng Thăng, được hưởng tập ấm tước công. Tháng 4/1914, các con cháu Hoàng Thăng là Hiệp Hiệp, Ứng Cửng, Ứng Niên, Ứng Chuẩn, Bửu Trát, Bửu Nam, Bửu Ngộ, Bửu Phý, Bửu Thập, Bửu Vạn, Bửu Hiệp, Bửu Sư, Vĩnh Cán khiếu nại với Tổng thống Pháp về tình trạng gia đình con cháu Hoàng Thăng, cùng lảng tảm. Ngày 27/6/1914, Sarraut yêu cầu Khâm sứ Huế điều tra về khiếu nại của họ. Trong báo cáo ngày 19/7/1914, Charles cho rằng Ứng Cửng và Ứng Niên đã nhiều lần khiếu nại. Nhưng họ nên khiếu nại trực tiếp với Tôn Nhơn Phủ. Ngày 31/8/1914, Bộ Thuộc Địa còn gửi thư cho Hà Nội về việc con cháu Hoàng Thăng khiếu nại. .(77)

77. CAOM (Aix), GGI, dossier 9614.

Cách nào đi nữa, ngày 14/12/1883, Paris được tin “một cuộc đảo chính ở Huế,” tức Nguyễn Văn Tường giết Hoàng Thăng, thay bằng cháu của Hoàng Thời, mới 15 tuổi. Và để tránh những rắc rối, de Champeaux đồng ý dẫn độ Miên Trinh cùng nhóm Hoàng Phi, Hoàng Sâm cho triều đình.(78)

78. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 40, pp 14-6; Nguyễn Xuân Thọ 1995, tr. 344; H. Méhier de Mathuisieux, *Dans la brousse. Souvenirs du Tonkin* (Tours: Mame et Fils, 1895),

tr.138-39; Nguyễn Văn Phong 1971, tr.245. Có tin  
Hùng Thắng bị giết vì không chịu trả cho Tôn  
Thất Thuyết 300 lượng vàng đã hứa;

### **III. ỨNG HẠO [HỔ/ĐĂNG] (KIẾN PHƯỚC, 2/12/1883-30/7/1884):**

Trước khi giết Hùng Thắng, Tôn Thất Thuyết và  
Nguyễn Văn Tường đã thuận chọn Ứng Đăng—con  
nuôi thứ ba Hùng Thời, được Hùng Thời đặt tên  
Hổ—lên ngôi. Lúc này, Ứng Hổ cùng Học phi Chuyên  
chịu tang ở Khiêm lăng. Ngày 29/11/1883, hai phụ  
chính cho người đón về điện “tịch điền quan canh,” chờ  
làm vua. Ứng Hổ sợ hãi, từ chối, nói còn trẻ, kham  
không nổi việc lớn; nhưng hai phụ chính vẫn cùng các  
quan xin Từ Dụ Thái Hoàng Thái hậu lập vua. Hôm sau,  
ngày 30/11 (mồng một tháng Một Quý Mùi), vào điện  
Cần Chính làm lễ tấn tôn. Lấy tên thánh là *Hạo/Hiệu*  
(trên chữ Nhật, dưới chữ thiên). Ngày 2/12 (mồng 3/11  
Quý Mùi), Ứng Hạo lên ngôi, niên hiệu Kiến Phước.  
(79)

79. *ĐNTLCB*, V, I, 36, 1976:18-19, 20, 21-3,  
32.

Gia Hưng quận vương Hùng Hữu (1835-1885),  
con thứ 8 Miên Tông, được cử làm Phụ chính thân thần.  
Kỳ vĩ hầu Tường, Thượng thư Bộ Hộ, và Vệ chính bá,  
Điện tiền tướng quân, Thượng thư Bộ Lại Thuyết làm  
Phụ chính Đại thần. Đoàn Văn Hội làm Thượng thư Bộ  
Công, kiêm quản Đô sát viện. (Ít lâu sau, Tường được  
phong tước Cần Chính Điện đại học sĩ, Kỳ vĩ quận  
công, thượng thư bộ Lại; Thuyết được hàm Hiệp biện

Đại học sĩ, Vệ quốc thượng tướng quân, Vệ chính hầu, thượng thư bộ Binh). (80)

80. Ibid., V, I, 36:1883-1885, 1976:28-9, 37, & III, Ibid., 1976:88-9.

Vì Ứng Hạo còn nhỏ tuổi, việc làm vua tương đối nhàn hạ. Tường và Thuyết quyết định hầu hết mọi việc triều chính.

Uy quyền Phụ chính Thuyết, dù chỉ là phụ chính thứ hai, ngày một gia tăng. Tại Huế, nhóm chủ chiến đã thu tóm quyền lực. Các trợ thủ đắc lực của Thuyết được phong thưởng trọng hậu. Ông Ích Khiêm lên chức Thị lang bộ Binh, và tước Kiên Trung Nam. Trương Văn Đễ thăng Quang lộc tự khanh, biện lý bộ Binh. Phó đề đốc kinh thành Trần Xuân Soạn lên chức Chương vệ. (81)

81. Ibid., V, I, 36:1883-1885, 1976:35-6, 38; & II, Ibid., 1976:63-4; [147]. Ít lâu sau, dưới triều Ứng Minh, Ích Khiêm bị cách chức, đày đi sơn phòng, rồi chết trong ngục tỉnh Bình Thuận vào tháng 8-9/1884: Ibid., V, Ibid., 1976:163-64. Văn Đễ cũng bị giáng chức.

Từ tháng 12/1883, Phụ chính Thuyết cũng đẩy mạnh việc xây thành Tân Sở, tại vùng Cù, khoảng 20 cây số nam Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, và chuẩn bị đánh Pháp, nếu cần. Cam Lộ là tên mới của huyện Thành Hóa, nơi Nguyễn Văn Tường từng phụ trách việc canh nông. Lãnh thổ trải dài về phía tây tới cả mường Na Bôn (Tchépone đời Pháp) và Thượng Ké (Mương Nong). Tôn Thất Lệ [Đức?], em trai Thuyết, lo đồn đốc mật khu kháng chiến này.(82)



82. Ibid., V, II, 36:1883-1885, 1976:64;  
ĐNNTC, II: Thừa Thiên, Đạo Quảng Trị (1997),  
1:101-3.

Từ đầu năm 1884, Phụ chính Thuyết bắt đầu đẩy mạnh việc bố phòng Tân Sở, và bí mật chuyển một số vàng bạc tới chôn giấu trong khu vực trên. Cựu Đại úy Charles Gosselin sau này từng tiếp cận cựu hoàng Ứng Minh, rồi xin phép truy tìm kho tàng, nhưng không được chấp thuận. Người sẽ trở thành Cô Mật Viện trưởng trong thập niên 1920 biến vùng lân cận Tân Sở thành thực ấp của mình, mộ giáo dân đến khai khẩn.

Thuyết còn cho người thân tín là Chương vệ Soạn nắm tổ chức *Phấn Nghĩa Quân*, sau khi một số thủ lĩnh cũ bị dính líu vào việc “tả đạo” ở phía Nam Huế. (83)

83. Ibid., V, II, 36:1883-1885, 1976:64.

*Thực Lục* ghi rất sơ sài về những vụ xô xát Giáo-Lương thời gian này, qua bản án nhóm Hường Thành và quan tỉnh Thanh Hóa. Tháng 12/1883-1/1884, khi ra Dụ chiêu an giáo dân Ki-tô [Đạo Bình], Ứng Hạo nhắc đến việc công tử Hường Thành (con Trần Định Công Miên Tri [Niết]) tụ tập đảng phái, thiêu đốt nhà cửa, giết hại giáo dân tại làng Dương Hóa, huyện Hương Trà, (thieu 89 hộ, giết hơn 20 người). Sự việc bị phát giác, án chưa thi hành, Hường Thành bị đổi sang họ mẹ, chờ qua ngày tế Giao sẽ bị xử tử. Đồng đảng có Trương Văn Đức, Trương Văn Định đều đợi xét đem chém, ngoài ra đều phải tội đồ, tội lưu; (84)

84. *DNTLCB*, V, II, 36:1883-1885, 1976:58.  
[Hường Chuyên, anh Hường Thành, bị ghép vào vụ án giết Trần Tiến Thành cướp của cải].

Về vụ án Thanh Hóa, vì Trần Lục [Văn Triêm] hàng ngày đến dinh sứ Pháp kêu nài, triều đình xử tội sơn phòng sứ Hồ Tư Cung và phó sứ Đỗ Huy Toàn án chém chờ lệnh; Tri phủ Thiệu Hóa là Nguyễn Đình bị cách xung quân, và hai thủ phạm chính là Huyền và Mao bị chém tức khắc (Mao còn đi trốn). Tổng đốc Tôn Thất Trường bị tổng giam, chờ đi đây. (85)

85. *Ibid.*, II, 36:1883-1885, 1976:87-8.

Tài liệu Hội truyền giáo ghi lực lượng này là “**Đoạn Kiệt**,” do Hầu [Hường] Chuyên cầm đầu, có nhiệm vụ tiêu diệt giáo dân Ki-tô. Từ ngày 5 tới 12/1883, Đoạn Kiệt quân giết chết 354 người, kể cả linh mục Vĩnh, tại Truồi, Cầu Hai, Nước Ngọt, v.. v... Theo Nguyễn Văn Tường giải thích với de Champeaux, đây là hành động gây rối loạn của một toán lính gốc Nam Kỳ đào ngũ. Từ mùng 2 tới mùng 8 tháng 1/1884, tổng cộng 7 giáo sĩ Pháp, 63 thầy kẻ giảng Đường Ngoài và khoảng 200 tín đồ thiểu số bị hạ sát ở Thanh Hóa và Lào; (86)

86. *Annales de la Propagation de la Foi*, 1884, tome 56:292-96, dẫn trong Delveaux, 1941:246.

Những con số nạn nhân và mức thiệt hại ghi nhận của hai phe chênh lệch nhau quá xa.

Hai Phụ chính Thuyết và Tường—lúc này đã trở thành thông gia—cũng thẳng tay thanh trừng phe đảng

Hường Thăng. Miên Trinh bị giáng xuống huyện công, cùng gia đình bị đẩy vào Quảng Ngãi. Gia đình Miên Triệu vào Bình Định. Gia đình Miên Tăng vào Phú Yên. Hường Sâm, Hường Tu, Hường Phì đều bị tội chém, đổi thành họ mẹ. Trong khi giam giữ, Phì bị chết “vì trúng gió độc.” Hường Sâm bị ép uống thuốc độc. (87)

87. *Ibid.*, V, I, 36:1883-1885, 1976:54-5; *DNCBLT*, II (1993), 3:115.

Hoài Đức quận công Miên Lâm, con thứ 57 Nguyễn Phước Đảm, lên làm Tả Tôn Nhân Phủ.

Tuy nhiên, tình trạng triều Huế thật lúng túng. Áp lực Pháp ngày một mạnh. Ứng Hạo vừa lên ngôi, Pháp lại yêu cầu triều đình phải cắt mọi liên lạc với các lực lượng nhà Thanh và Lưu Vĩnh Phúc ở miền Bắc, đồng thời triệu hồi Thống chế Viêm, Tổng đốc Ninh-Thái Trương Quang Đản, Đề đốc Ngô Tất Ninh, Lê Văn Hổ, Nguyễn Văn Chư, Tán lý Lương Quy Chính, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật, v.. v... Nhưng hầu hết đều không chịu về kinh. (88)

88. *DNTLCB*, V, I, 36:1883-1885, 39-40, 41-2.

Trong khi đó, ngày 16/12, Tướng Millot được giao toàn quyền về quân và dân sự ở Trung và Bắc, với Paul Silvestre phụ tá hành chính. Phần Courbet được thăng Phó Đô Đốc, chỉ huy Hải quân. Millot nhận lệnh duy trì trật tự, cắt đường giao thông với Trung Hoa qua ngã Tiên Yên, đánh chiếm Sơn Tây, Bắc Ninh, và Hưng Hoá, sau đó trả lại cho Courbet lực lượng Thủy quân Lục chiến. (89)

89. Thư ngày 17/12/1883, A. Peyron gửi Millot;  
Thư ngày 20/12/1883, A. Peyron gửi Courbet;  
SHAT (Vincennes), 10H xxx [1, d6].

Ferry nhắc nhở Millot không được thương thuyết về chính trị vì Paris sẽ bàn định một hoà ước khác với Huế.  
(90)

90. Thư ngày 18/12/1883, Ferry gửi Millot;  
Ibid.

Ngày 18/12, Quốc Hội Pháp biểu quyết thêm 20 triệu *francs* (4 triệu Mỹ kim) quân phí cho Bắc Kỳ. Cuối tháng đó, viện binh Pháp lên đường qua Đông Dương, từ Phi-lip-pin (29/12, 199 binh sĩ), Toulon (30/12, 3 đại đội Lê dương), và Alger (31/12, một tiểu đoàn).

Vì tình thế đặc biệt của Bắc Kỳ, những cuộc binh định của Pháp không còn dễ dàng, đơn giản với vài chục hay ít trăm tay súng nữa. Ngày 20/1/1884, tổng số quân viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ lên tới gần 17,000 người, kể cả 7 pháo đội và một số lính gốc Phi Châu (Algérie) cùng các thành phần lính mã tà Nam Kỳ và giáo dân Ki-tô đất Bắc. Tuy nhiên, cánh quân chủ lực chỉ có một Sư đoàn, gồm Bộ Tư lệnh và 2 Lữ Đoàn, với 278 Sĩ quan, 10,601 lính, 428 lừa, ngựa. Lữ đoàn thứ 1, do Tướng Brière de l'Isle chỉ huy, đóng ở hữu ngạn [phía đông] sông Hồng. Lữ đoàn thứ 2, dưới quyền Tướng de Négrier, chịu trách nhiệm tả ngạn [phía tây] sông. Mỗi Lữ đoàn có 104 sĩ quan, 4,802 lính và 50 lừa, ngựa. (91)

91. SHAT (Vincennes), 10Hxxx [1].

Vào cuối năm 1883, có 4 trung đoàn (régiment) Thủy quân lục chiến (*infanterie de marine*, gồm 115 sĩ quan và 3,618 binh sĩ); 1 tiểu đoàn xạ thủ An-nam (*tirailleurs annamites*, gồm 16 sĩ quan và 1,200 binh sĩ); 6 pháo đội và 2 Trung đội pháo binh (27 sĩ quan, 787 binh sĩ); 1 tiểu đoàn hải quân (12 sĩ quan, 600 lính); 1 trung đoàn lính Phi Châu (58 sĩ quan, 1,800 lính); và, 1 đội kỹ binh, gồm 3 sĩ quan, 60 binh sĩ. Tại Thuận An và Huế có 2 trung đoàn Thủy quân lục chiến (18 sĩ quan, 712 lính), hai trung đội Pháo binh và nửa đại đội lính tập. Đầu năm 1884, đạo quân viễn chinh được tăng viện 160 sĩ quan và 6,200 binh sĩ, đưa tổng số lên gần 15,000 người; Ngoài ra, hạm đội Bắc Kỳ có 440 người và 25 đại bác. Dưới quyền Trung tá Morel-Beaulieu có tiểu hạm *Pluvier* và 11 pháo hạm; (92)

92. Ibid.

Trong khi đó, thái độ Trung Hoa ngày thêm hiếu chiến. Ngày 14/1/1884, Tăng Kỳ Trạch cho báo chí Tây phương công bố một lá thư riêng gửi Lý Hồng Chương, đề ngày 8/1/1884. Trong thư này, Trạch đã kích thái độ ngạo mạn của Ferry khi tuyên bố sẽ đem quân bình định thượng du Bắc Kỳ, bắt Trung Hoa phải chấp nhận một chuyện đã rồi, và đòi Trung Hoa bồi thường chiến phí (40 triệu Mỹ kim), bằng không sẽ chiếm Đài Loan.

Việc làm của đại sứ Thanh tạo nên nhiều phản ứng bất lợi trong giới ngoại giao Tây phương. Ferry càng cứng rắn hơn. Một mặt, Ferry cho lệnh Millot tấn công Bắc Ninh, cứ điểm quan trọng của nhà Thanh. Mặt khác, qua trung gian của một số cường quốc và tư nhân, Paris đồng ý nói lại thương thuyết, nhưng có ý chọn Bắc

Kỳ làm chiến trường để giành thế mạnh trên bàn hòa đàm.

Thượng tuần tháng 3/1884, Millot sai Brière de l'Isle đem quân vượt sông Hồng, rồi men theo sông Đuống [Thiên Đức] tiến về hướng Đông. Lữ đoàn 2 của Tướng de Négrier từ Hải Dương đáp tàu tới Phả Lại (Sept Pagodes), bắt tay cánh quân Lữ đoàn 1, rồi cả thủy bộ tiến đánh Bắc Ninh theo tuyến sông Cầu [Nguyễn Đức].

Chỉ huy Thanh tại tuyến phòng thủ này là Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc, và Trần Đắc Quý. Quế Lan và Ốc đóng quân ngoài thành. Trần Đắc Quý giữ Đáp Cầu. Trương Quang Dẫn, Tổng đốc Bắc Ninh, đóng ở Nghi Vệ, Tam Đảo; nhưng đã nhận được lệnh giữ “trung lập,” mặc cho quân Thanh-Nguyễn tranh hùng.

Trận đánh khởi đầu từ ngày 7/3/1884. Hai bên giao tranh mãnh liệt ở Đáp Cầu. Pháp chiếm được cả bảy đồn của Trần Đắc Quý, Mẫn Tuyên, Phú Lương và Thuận Lương. Ngày 10/3, Lưu Vĩnh Phúc, đã được tước Nam, Đề Đốc Tam Tuyên, mang quân tới tăng viện. Ngày 12/3, Pháp ngưng bắn, sử dụng khinh khí cầu để thám sát vị trí quân Thanh, sử dụng pháo binh bắn phá. Chiều đó, quân Pháp tổng tấn công. Quân Thanh chết và bị thương rất nhiều, bỏ chạy về Thái Nguyên và Lạng Sơn. Lưu Vĩnh Phúc rút về Hưng Hóa; Triệu Ốc chạy vào Thanh Hóa. Thành Bắc Ninh cũng bỏ ngõ. Hôm sau, 15/3, quân Pháp vào thành. Lữ Đoàn 1 liền truy kích lên Thái Nguyên, và một tuần sau chiếm được thành. Thừa thắng, ngày 19/3, quân Pháp tiến đánh Hưng Hoá và chiếm được thành ngày 12/4. Nhiều quan Nguyễn “bỏ theo quân Thanh” như Tuần phủ Nguyễn [Ngô] Quang

Bích, Bồ chính Nguyễn Văn Giáp, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật, Đề đốc Tạ Hiện, Hoàng Văn Hoè v.. v... Tuần phủ Bích sau đó từ trần ở thương du Hưng Hóa.

Millot gửi một cánh quân nhỏ tới Tuyên Quang và chiếm thành này vào đầu tháng 6/1884. Nhưng Tuần phủ Hoàng Tường Hiệp bị Lãnh binh Cờ Đen, Hoàng Thủ Trung, trợ thủ đắc lực của Lưu Vĩnh Phúc, bắt mang theo tới Long Châu sau cuộc đánh cướp thành vào tháng 3-4/1884. Trung chỉ huy một lực lượng 6000-7000 người phục kích, ngăn chặn trực tiếp vận cho Tuyên Quang đến tháng 2/1885.(93)

93. SHAT (Vincennes), 10H xxx [57, 47];  
*DNTLCB*, V, II, 36:1883-1885, 1976:90-3, 103-5;  
IV, *Ibid.*, 1976:112.

Hoàng Kế Viêm cũng bỏ chạy, sau đó men theo đường núi về Thanh Hóa. Chiến thắng của Pháp khiến phe chủ hòa nhà Thanh tăng thêm uy tín. Tuần phủ Quảng Tây Từ Diên Húc và thuộc tướng như Hoàng Quê Lan, Triệu Ốc bị kết án cách chức, tống giam vì không bảo vệ được Bắc Kỳ. Lan tự tử. Trần Đắc Quý, Mẫn Tuyên bị xử tử. Sau này, Từ Diên Húc được khoan hồng, nhưng chết bệnh trong ngục.

Chính sách của Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường là để mặc Pháp và nhà Thanh tranh giành ảnh hưởng tại Đường Ngoài. Dù Nguyễn Trọng Hợp được cử làm Khâm sai Bắc Kỳ, nhưng tân Tổng đốc Hà Nội, Nguyễn Hữu Độ, ngày một gia tăng ảnh hưởng.

Khôn ngoan, mưu trí, từng làm quản lý thương chính Hải Dương, rồi vào Sài Gòn nhận lĩnh quà tặng tàu chiến và khí giới cho Hoàng Thời, Độ biết cách mua

lòng các nhà truyền giáo cùng giáo mục Việt. Năm 1883, Độ đã góp công lớn cho giáo hội bằng cách giúp Puginier mua trọn làng Thọ Xương với giá tương trưng 100 quan để xây cất nhà Chung [thờ] Hà Nội trên nền cũ của chùa *Báo Thiên*—ngôi chùa lịch sử, di tích văn hoá dựng lên dưới triều Lý Nhật Tôn (Thánh Tông, 3/11/1054-1/2/1072) để tưởng nhớ Không Lộ đại sư năm 1056. Độ cho lệnh san bằng chùa vì “cột vách đã xiêu đổ, dễ gây tai nạn chết người.” (94)

94. André Masson, *The Transformation of Hanoi, 1873-1888*; translated from French by Jack A Yaeger, edited and abridged by Daniel F Doeppers, *Wisconsin Papers on Southeast Asia*, No. 8 (Madison, WI: Center for Southeast Asian Studies, Univ. of Wisconsin-Madison, 1984), pp 51-2.

Độ cũng giữ liên hệ chặt chẽ với các giáo mục bản xứ, đặc biệt là Trần Lục [Trần Văn Triêm], người cai quản họ đạo Phát Diệm, nằm giữa ranh giới hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa. Từ năm 1883, Trần Lục công khai ngả theo Pháp. Theo sử quan Nguyễn:

Y mộ nhiều giáo dân và hàng ngàn tên vô lại, nhiều lần ra chặn bắt dịch phu để cướp lấy công văn. Các quan trú quân đều phải qua đường Phủ Nho Quan mà đệ công văn về [Huế]. (95)

95. *DNTLCB*, V, I, 36:1883-1885, 1976:43.

Trần Lục cũng “hằng lui tới dinh sứ Pháp kêu xin tư xét” việc đốt phá dân đạo Ki-tô ở Thanh Hóa, khiến tháng 3/1884 Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Trường và



Tri phủ Thiệu Hóa Nguyễn Đĩnh bị cách chức, thuộc hạ bị giết. (96)

96. Ibid., II, 36:1883-1885, 1976:90. Tháng 4-5/1886, Độ còn đề cử Trần Lục làm Tuyên phủ sứ Thanh Hoá, hàm tham tri Bộ Lễ, lo việc đánh dẹp quân Cần Vương vì họ đạo của Lục nằm giữa ranh giới Ninh Bình và Thanh Hoá; Ibid., VI, III, 37:1885-1886, 1977:143, 168. Tuy nhiên, tân Tổng trú sứ Paul Bert cho lệnh trục xuất Lục khỏi Thanh Hóa ngay. [Bert: VI, V, 37:1885-1886, 1976:207-8, 215 [chết]

Nhờ thế tựa Pháp và giáo sĩ Ki-tô, Nguyễn Hữu Độ tự động bỏ nhiệm hay cách chức quan lại theo đề nghị của Pháp và công khai chống lệnh triều đình, dưới chiêu bài lệnh Pháp. Tường và Thuyết ra lệnh gọi Độ về Huế, giữ chức Hữu Tham tri (*assesseur de droite*) Bộ Công. Ngày 18/8, lập lại lệnh trên. Độ phản công bằng cách tố cáo với Pháp là Tường và Thuyết chuyên quyền, lấn áp vua, và chống Pháp..(97)

97. *DNTLCB*, V, IV, 36:1883-1885, 1976:157.

Hai Phụ chính Tường và Thuyết dẫu bất mãn cũng chẳng làm được gì hơn tiếp tục chuẩn bị các hậu cứ quân sự từ Quảng Trị ra Nghệ An, và duy trì những liên hệ bán chính thức với nhà Thanh qua nhóm Tuần phủ Hưng Hóa Nguyễn [Ngô] Quang Bích, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật, Đê đốc Nam Định Tạ Hiện, thủ lĩnh Thái trắng Điêu Văn Sinh ở châu Lai, v.. v..., lúc này đã công khai dựa thế quân Thanh chống Pháp, nộp trả ấn tín và cắt đứt liên lạc với Huế. Tán tương Thuật,

và Đề đốc Hiên còn chiêu mộ nghĩa dũng địa phương quyết kháng Pháp đến hơi thở cuối cùng, biến địa danh “Bãi Sậy,” Hưng Yên—hậu quả của hơn 20 năm liên tiếp đề Văn Giang bị vỡ, hiện chẳng còn một dấu vết nào—đi vào quốc sử kháng Pháp.. Những nỗ lực vô vọng, nhưng bị tráng, trong gọng kìm nghiệt ngã của cả hai thế lực thực dân xâm lược Đông-Tây.

#### A. TẠM ƯỚC THIÊN TÂN (11/5/1884):

Dù Pháp đã chiếm được hầu hết Bắc Kỳ, quân Thanh còn trú đóng ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng và Lào Kay. Qua trung gian của một người Prussia, Yên Kinh đồng ý thay Tăng Kỳ Trạch. Thương thuyết giữa Trung Hoa và Pháp được nối lại vào đầu tháng 5/1884. (99)

99. Phần lớn chi tiết dưới đây dựa trên France, Ministère des Affaires Etrangères, *Documents diplomatiques [DD], Affaires du Tonkin, Convention de Tien-Tsin du 11 Mai 1884, Incident de Lang Son* (Paris: 1884), pp 5-7. Sẽ dẫn: *DD III*. Chúng tôi chỉ trưng dẫn thêm xuất xứ các tài liệu khác nếu sử dụng.

Ngày 2/5, de Sémallé báo cáo từ Yên Kinh rằng Lý Hồng Chương muốn điều đình với Đề Đốc Lespès, Tư lệnh Sư đoàn Hải quân Pháp ở Trung Hoa và Nhật, và Yên Kinh sẽ cử một tân Đại sứ tới Pháp. Paris bèn sai Trung tá Ernest-Francois Fournier, hạm trưởng *Volta*, người từng quen biết Hồng Chương từ năm 1878, tới Thiên Tân nghị hoà. Ngày 8/5, hai bên đạt được những thỏa thuận căn bản. Fournier yêu cầu Paris cho phép mình được toàn quyền ký tạm ước với Hồng Chương,

trong khi chờ đợi Lespès tới nơi để ký hiệp ước chính thức. Thủ tướng Ferry chấp thuận.

Ngày 11/5/1884 (18/4 Giáp Thân) Chương và Fournier ký một tạm ước gồm 5 điều. Quan trọng nhất là nhà Thanh đồng ý triệt thoái ngay khỏi Bắc Kỳ và tôn trọng tất cả những hoà ước ký kết giữa Pháp và Đại Nam (điều 2). Đổi lại, Pháp hứa tôn trọng biên giới giữa Trung Hoa và Đại Nam (điều 1), đồng thời bỏ việc đòi bồi thường chiến phí (điều 3). Hai bên còn thoả thuận sẽ gặp lại trong vòng 90 ngày để ký hiệp ước chính thức (điều 5).

Ferry cực kỳ hài lòng, gửi điện văn khen ngợi Fournier và cho lệnh Lespès gửi Fournier về nước để tường trình kết quả. Ngày 13/5, Ferry còn cho Fournier biết sẽ cử Patenôtre làm Đặc sứ toàn quyền để ký hiệp ước chính thức càng sớm càng tốt, và nhấn mạnh rằng việc triệt thoái quân Thanh khỏi Bắc Kỳ cần được thi hành tức khắc. Ba ngày sau, 15/5, Ferry lại thông báo cho Fournier là Patenôtre, trên đường qua Yên Kinh, sẽ ghé Huế vào khoảng ngày 28/5 để ký hiệp ước mới với nhà Nguyễn. Hiệp ước này nhằm mục đích chính **tách biệt hẳn Đại Nam khỏi vùng ảnh hưởng Trung Hoa**, và Pháp sẽ trở thành đại diện ngoại giao của Huế với tất cả các quốc gia, **kể cả Trung Hoa**. Ferry chỉ thị Fournier phải giải thích rõ ràng với Chương rằng **đích thân Ferry đã xóa đi đoạn “kể cả Trung Hoa”** trong dự thảo Hiệp ước với Huế để tránh cho Chương—một cận thần của Từ Hy Thái hậu—những khó khăn với các phe đối lập; nhưng chi tiết **kể cả Trung Hoa** sẽ là một thực thể—Từ nay, **Trung Hoa không được can thiệp vào nội bộ An Nam**.

Ngày 17/5, Fournier báo cáo lên Bộ trưởng HQ&TD, Phó Đô Đốc Peyron, và đồng thời thông báo cho Tướng Millot ở Bắc Kỳ biết là Chương đã đồng ý lịch trình rút quân như sau:— từ ngày 6/6/1884, tức 20 ngày sau khi ký Hiệp định—Pháp có thể chiếm Lạng Sơn, Cao Bằng, Thất Khê, và các tiền đồn giáp ranh hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Và, từ ngày 26/6, có thể chiếm Lào Kay cùng các vị trí sát biên giới Vân Nam.

#### B. HIỆP ƯỚC "BẢO HỘ" 6/6/1884:

Tại Huế, việc thảo luận sơ khởi về hòa ước mới giữa Pháp và Đại Nam đã bắt đầu từ hạ tuần tháng 12/1883, khi Đặc sứ Tricou, trên đường về nước, được lệnh ghé ngang kinh đô thăm dò tình hình sau cái chết của Hoàng Thăng. Tricou cũng được lệnh đánh giá tâm ý hai Phụ chính đại thần Tường và Thuyết về Qui ước Harmand 25/8/1883.

Ngày 25/12/1883, và rồi ngày 1/1/1884, Nguyễn Văn Tường tiếp kiến Tricou, cố xin rút bỏ hai tiếng bảo hộ, và được duy trì liên hệ với Trung Hoa. Triều đình Huế đã thảo luận sôi nổi về việc này. Một phe không muốn đoạn tuyệt với Trung Hoa, vì mối quan hệ văn hóa, chính trị và kinh tế đã có hàng ngàn năm. Một phe muốn ngả hẳn về phía Pháp, vì Pháp đang trực tiếp đe dọa nền tự chủ. Cuối cùng, triều đình quyết định “trung lập,” mặc Pháp và Trung Hoa tranh giành ảnh hưởng. Bởi thế, ngày 1/1/1884—ba ngày sau cuộc hội kiến giữa Ứng Hạo và Tricou—Phụ chính Tường trao cho Tricou một quốc thư của Ứng Hạo, khẳng định tôn trọng Tạm ước 25/8/1883, cùng đồng ý trên nguyên tắc văn bản hiệp định ấy có thể sửa đổi. (100)

100. Thư ngày 1/1/1884, Ung Hạo gửi TT Pháp; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 42, p 110; Nguyễn Xuân Thọ 1995, tr 346. Xem thêm ĐNTLCB, V, II, 36:1883-1885, 1976:62-3.

Khi tới Huế vào hạ tuần tháng 5/1884, Patenôtre mang theo Rheinart des Essarts, một nhân vật kỳ cựu ở Huế. Triều Nguyễn cử Nguyễn Văn Tường, Phạm Thân Duật (Chánh sứ), và Tôn Thất Phan (Phó sứ) tham dự hội nghị. Sau khi được thông báo về Tạm ước Thiên Tân (11/5/1884) giữa Fournier và Lý Hồng Chương—nhất là khoản Pháp đồng ý gạch bỏ tên Trung Hoa khỏi điều kiện kiểm soát ngoại giao—triều Nguyễn đồng ý.

Ngày 6/6/1884 (13/5 Giáp Thân) hai phe ký hiệp ước mới. Hòa ước Bảo Hộ hay "Patenôtre" này gồm 19 khoản.

**Điều 1:** Đại Nam chấp nhận **sự bảo hộ** của Pháp. Mọi giao dịch với nước ngoài phải có sự chấp thuận của Pháp. [*Bản chữ Nôm từ “bảo hộ” dịch thành “bảo trợ” [giúp đỡ]*].

**Điều 2:** Pháp đóng đồn ở cửa Thuận An; Đại Nam phải phá bỏ mọi công sự phòng thủ từ Thuận An tới Huế.

**Điều 3:** Đại Nam được tự trị từ Bình Thuận tới Thanh Hóa. [Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Bình Thuận được sát nhập lại vào Đại Nam].

**Điều 5:** Tại Đại Nam, triều Nguyễn tiếp tục cai trị, dưới sự bảo hộ của một Tổng trú sứ [*Résident Général*] ở Huế. Tổng trú sứ phụ trách việc ngoại

giao của Đại Nam, và có quyền gặp vua, cùng đóng quân trong kinh thành

**Điều 6:** Từ Ninh Bình trở ra Bắc, Pháp có quyền đặt công sứ hay phó công sứ.

**Điều 9:** Đường giầy điện báo.

**Điều 13:** Pháp tự do giao thương; tự do truyền đạo [giống điều 9 của hiệp ước 15/3/1874].

**Điều 15:** Pháp hứa giúp diệt phi và hải tặc.

**Điều 17:** Xóa nợ Pháp. Nợ Espania phải trả. Đại Nam không được vay tiền nước ngoài nếu không có sự chấp thuận của Pháp (đồn Mang Cá, đông bắc thành Huế)..

**Điều 19:** Hòa ước này thay thế cho các hòa ước 23/11/1874, 31/8/1874 và 15/3/1874. **Bản Pháp ngữ làm chính.**

Ký tên: Nguyễn Văn Tường, Trần Thận Duật, Tôn Thất Phiên [Phan]. (101)

101. *DNTLCB*, V, IV, 36: 1883-1885, 1976:114-19.

Bản dịch qua chữ Nôm dùng nguyên thuật ngữ “bảo trợ,” dù chính bản là tiếng “*protectorat* [bảo hộ].” Theo Rheinart, đại diện Hoàng tộc và Viện Cơ Mật xin được đặc ân này bằng cách trao cho Rheinart quả ấn khắc 6 chữ “Việt Nam Quốc Vương chi ấn” bằng hai thứ tiếng Mãn châu và Hán, để ném vào lò rèn hủy đi tại buổi lễ ký Hiệp ước. (102)

102. Sogny, “Rheinart,” *BAVH*, 1943, pp 168-69; *DNTLCB*, V, IV, 36: 1883-1885, 1976:119..

This was a The Nguyen Court retained the administrative authority, under the supervision of

a French Resident General [Tong Tru su] in Hue, from Binh Thuan to Ninh Binh. (Arts 2, 5, 6 & 7). In the North, there were French Residents in all provinces to supervise the Vietnamese local mandarins. These residents were responsible for the Resident General in Hue (Arts 6 & 7)

Mặc dù Hòa ước 6/6/1884 có vẻ nhẹ nhàng hơn Qui ước 25/8/1883, như sự bảo hộ của Pháp là nền bảo hộ kiểm soát [**protectorat de contrôle**]. Trên thực tế, hòa ước này chứa đựng tất cả những điều Pháp mong muốn: Đó là đặt xuống nền móng cho việc trực tiếp cai trị Bắc Kỳ, được nguy trang dưới lối hành văn ngoại giao chuyên nghiệp. Uy quyền của triều Nguyễn trên Bắc Kỳ rút lại chỉ còn những chữ chết. Các công sứ trực tiếp kiểm soát những quan tỉnh, vì được quyền phủ quyết, cộng với quyền cách chức hay tống giam họ. Guồng máy hành chính mà Sylvestre điều khiển được biệt lập với soái phủ Sài Gòn; và trực tiếp nắm giữ ngân khố và kho tàng.

Đại Nam mất quyền tự chủ từ ngày này. Rheinart ở lại làm Khâm sứ. Ngày 11/7/1884, Patenôtre lên đường đảo nhậm nhiệm sở ở Yên Kinh, và cũng để ký Hiệp định thân hữu Pháp-Trung, dựa trên tạm ước Thiên Tân, 11/5/1884 giữa Chương và Fournier. Nhưng tình thế đột ngột đổi thay trên hành trình của Patenôtre từ Huế tới Hong Kong và Thượng Hải.

### C. BIÊN CỐ LẠNG SƠN:

Sau khi nhận được báo cáo của Fournier ngày 17/5, Tướng Millot cho Đại tá Duchesne [Dugene] dẫn một

đạo quân lên chiếm Lạng Sơn. Binh đoàn Duchesne gồm 300 lính Pháp, 300 lính Bắc Kỳ, 40 kỵ binh, 40 công binh, 200 lừa, và 200 xe pháo binh. Đối lại, quân Thanh tập trung hơn 70 doanh (từ 20,000 tới 35,000), trí dài từ Trấn Nam Quan tới Lạng Quang và Quang Âm, dưới quyền Sâm Dục Anh, Phan Đình Tân [Pan Ding-xin], v.. v.. Phan Đình Tân mới thay Từ Diên Húc làm Tuần phủ Quảng Tây, vì Húc và thuộc hạ bị cách chức, tổng giam hay trừng trị vì không bảo vệ được Lạng Sơn và Cao Bằng trong mùa Xuân 1884. Sau khi được tin Pháp đã si nhục Thiên tử Thanh bằng cách phá bỏ ấn tín phong cho vua Nguyễn, nhà Thanh đưa khoảng 25,000 quân xuống bảo vệ Lạng Sơn. Một số quan Nguyễn như Lã Xuân Uy và Nguyễn Thiện Thuật đã tự nguyện giữ liên lạc ở Lạng Sơn. (103)

103. Ibid., V, IV, 36:1883-1885, 1976:128.

Từ ngày 17/6, đã có nhiều dấu hiệu bất ổn; quân Thanh nổ súng vào toán tiền thám Pháp ở Cầu Sơn. Chiều 22/6, cánh quân Duchesne bị bắn khi tới tả ngạn sông Thương. Sáng hôm sau, 23/6, khi Duchesne cho một toán quân vượt sông để bảo vệ bờ phải sông, toán này bị tấn công khoảng 1 tiếng đồng hồ, 3 quân nhân bị thương. Duchesne bèn phái người mang thư tới gặp cấp chỉ huy Thanh, thì một quan cao cấp cho biết họ cần 5 tới 6 ngày để di chuyển qua biên giới. Khoảng 4 giờ chiều, chừng 4-5,000 quân Thanh tiến đánh các đơn vị Pháp. Giao tranh kéo dài tới sáng mới dứt. Pháp chết 1 sĩ quan, 7 binh sĩ, và 4 bị thương.

Khoảng 5 giờ sau, quân Thanh lại tiến đánh. Pháp phải rút lui. Đạo quân trở nên tán loạn vì nhân công bỏ



chạy tứ hướng. Lương thực và quân trang, quân dụng của sĩ quan đều bị bỏ lại. Chiều 24/6, quân Pháp rút qua được sông Thương, đóng tại đồn Bắc Lệ. Pháp chết 1 sĩ quan, 10 binh sĩ; bị thương 36 (3 sĩ quan). Hai người bị mất tích.

Quân Thanh đều mặc quân phục, trang bị các loại súng bắn nhanh như *Winchester, Peabody, Remington* và *Berdan*. Theo tình báo, có khoảng 20 đại đội (doanh, 300 người) Thanh đóng giữa Lạng Sơn và Sông Thương. Tổng cộng Pháp 51 chết, 24 bị thương, 3 mất tích; (104) Tài liệu Nguyễn ghi quân Thanh bắt được 1 sĩ quan cấp tá, hai trung úy, hơn 20 binh sĩ cùng 100 lính tập bản xứ [mã tà].

104. SHAT (Vincennes), 10H xxx [57]; Báo cáo ngày 4/7/1884, Millot gửi Peyron; MAE (Paris), *DD III* pp 31-2.

Ngày 26/6, Millot cử Tướng de Négrier lên tăng viện. Hai ngày sau, 28/6, giao tranh lại diễn ra tại Cầu Sơn và Kép. Đồn Bắc Lệ thất thủ. Tuy nhiên, cánh quân de Négrier bắt tay được đơn vị của Duchesne.

Trận đánh này khiến Millot vô cùng bối rối. Ngày 30/6, Millot báo cáo là hiện không thể sử dụng quá 3,500 lính một lần. Mỗi đại đội TQLC chỉ còn 50 người; và tiểu đoàn Phi Châu không quá 300 người. (105)

105. SHAT (Vincennes), 10H xxx [57].

#### D. LIÊN HỆ PHÁP-HOA CĂNG THẲNG:

Cũng ngày 30/6 này, dư luận Trung Hoa cực kỳ sôi nổi quanh tờ Dụ của Từ Hy Thái hậu về chính sách đối với Đại Nam cùng Tạm ước Thiên Tân. Hành động

thieu hủy ấn nhà Thanh tại Huế ngày 6/6/1884 cũng tạo cơ hội cho những người bài ngoại chỉ trích triều đình. Các nhà trí thức gửi 47 kiến nghị lên Quang Tự, đòi kết tội Lý Hồng Chương. Khánh thân vương, mới lên nắm Tổng lý Nha môn, cũng chẳng có cảm tình đặc biệt với Chương, một cận thần của Từ Hy Thái Hậu (1835-1908). Bởi thế Chương không dám yêu cầu triệt thoái quân Thanh khỏi Bắc Kỳ.

Ngày 9/7, Ferry viết thư cho Đại sứ Lý Phương Bào [Li-Fongpao], đòi quân Thanh phải rút khỏi Bắc Kỳ tức khắc theo điều 2 của tạm ước Thiên Tân, và bồi thường 250 triệu *francs*. Đại sứ Thanh trả lời rằng Tạm ước 11/5/1884 chưa có hiệu lực, và chẳng có điều khoản nào xác định ngày tháng triệt thoái. Một công điện đề ngày 8/7 của Tổng lý Nha môn cũng xác định nhà Thanh thiệt hại trên 300 người, và yêu cầu Pháp gửi ngay Patenôtre tới Thiên Tân. Ngày 9/7, Chương lại gửi điện tín cho Đại sứ Bào là Yên Kinh đã xuống Dụ cho lệnh các đơn vị Thanh triệt thoái; và nếu Pháp muốn giải quyết một cách ôn hòa, hai bên có thể duy trì tạm ước ngày 11/5/1884.

Ngày 10/7, Ferry đưa ra các điều kiện sau:

1. Nhà Thanh phải đăng trên *Công báo Yên kinh* sắc dụ của triều đình về việc triệt thoái;
2. Phải nói rõ rằng việc triệt thoái trên là do điều 2 của Tạm ước Thiên Tân;
3. Quân Thanh phải triệt thoái hoàn toàn khỏi Bắc Kỳ trong vòng 1 tháng;
4. Các địa danh Lạng Sơn, Cao Bằng, Thất Khê, và Lào Kay phải được nêu rõ;

5. Việc định lại biên giới sẽ được thương thảo sau.

Nếu Yên Kinh đồng ý đăng bản Dự với nội dung như trên, Pháp sẽ gửi Patenôtre tới Thiên Tân.

Ngày 12/7, Paris chỉ thị De Sémallé gửi tới hậu thư bắt nhà Thanh phải rút khỏi Bắc Kỳ, và bồi thường 250 triệu *francs* chiến phí. Hôm sau, 13/7, Bộ trưởng HQ Peyron cho lệnh Courbet mang quân lên Phúc Châu (tỉnh lý Phúc Kiến) và Cơ Long (Kelung thuộc Đài Loan).

Ngày 15/7, Yên Kinh nhượng bộ, đồng ý đăng sắc Dự và hứa rút quân trong vòng một tháng, nhưng từ chối bồi thường chiến phí. Ferry không nhân nhượng, cho Yên Kinh một tuần lễ để đáp ứng. Nhà Thanh bèn nhờ Đại sứ Mỹ đứng ra làm trung gian, lần thứ ba, nhưng Pháp lại từ chối.

Trong khi đó, hạm đội Pháp tiến vào hải phận một số cảng Trung Hoa như Phúc Châu và Đài Loan.

Ngày 29/7, Ferry giảm tiền bồi thường xuống 200 triệu, và dời kỳ hạn tới hậu thư tới ngày 1/8/1884. Ngày 30/7, Đại sứ Patenôtre tới Thượng Hải. Patenôtre báo cáo rằng Yên Kinh đồng ý bồi thường 500,000 lạng bạc, tức 3.5 triệu quan, để cứu trợ gia đình tử sĩ, nhưng Patenôtre đã từ chối.

Ngày này, Đại sứ Trung Hoa lại xin triển hạn thêm 4 hôm, và yêu cầu Pháp rút lại việc triệu hồi Lưu Vĩnh Phúc.

#### **IV. LỄ ĐĂNG QUANG CỦA ỨNG MINH tự LỊCH (HÀM NGHI, 2 [17]/ 8/1884-1/11/1888):**

Trong khi liên hệ Pháp-Thanh căng thẳng, một biến cố đột ngột xảy ra ở Huế. Ngày 31/7/1884 [10/6 Giáp Thân] vua Ung Hạo [Hỗ/Đặng] mất, hưởng dương 15 tuổi. Theo sử quan đời Bửu Chiêu [Lân] và Vĩnh Hoảng [San]—những người chẳng có thiện cảm gì với Phụ chính Tường và Thuyết—vua đã ốm nặng từ hai tháng trước. Ngày 28/7, Ung Hạo cảm thấy khá hồi phục để lên triều. Thật bất ngờ ba ngày sau bệnh lại trở nặng, và vua qua đời. (105)

105. *DNTLCB*, V, IV, 36:1813-1815, 1976:108, 150-51.

Vì đã chứng kiến quá nhiều cảnh phế lập sau cái chết của Hoàng Thời, đủ loại tin đồn được loan truyền tại kinh đô cũng như các giáo đường Ki-tô và cơ sở thuộc địa Pháp. Paulin Vial, đại diện Pháp ở Hà Nội nhận định:

Có thể những phụ chính đại thần không muốn gánh trách nhiệm về những điều đã nhượng bộ với Pháp và đã trút gánh nặng cho một ông Hoàng hiền lành [*inoffensif*] và yếu ớt [*débile*]... Người ta đồn rằng Phủ Phụ Chính đã làm ông ta biến dạng. (106)

106. Paulin Vial, *Nos premières années au Tonkin* (Paris: 1889), p 169; Nguyễn Văn Phong, 1971:245; ASME (Paris), vol 704, p1268.

Khâm sứ Rheinart, qua hệ thống tình báo riêng từ các giáo sĩ và thông ngôn, ký lục, nghi rằng Ung Hạo đã bị Nguyễn Văn Tường hạ độc, không những vì Phụ chính Tường tưởng rằng hiệp ước 1884 sẽ trở thành vô

giá trị nếu người ký kết từ trần, mà còn do lòng dục vọng muốn duy trì những liên hệ mật thiết với một vương phi. (107)

107. Sogny, “Rheinart;” *BAVH*, XXX, Nos. 1-2 (Jan-Juin 1943), pp 166-67.

Silvestre cũng cho rằng Tường đã giết chết Ứng Hạo khi Ứng Hạo khám phá ra việc tư tình giữa Tường và bà Học Phi (vợ thứ ba Hường Thời), mẹ nuôi vua;

108. *Politique française* . . ., XI, tr. 743; Delvaux, 1941:251; Nguyễn Văn Phong 1971:247.

Chứng bệnh ốm nặng này, dù liên hệ đến chính sách thực dân của Pháp hay chẳng, là nghi án lịch sử khó giải đáp.

Hôm sau, 1/8 [11/6 Giáp Thân], hai Phụ chính Thuyết và Tường đưa công tử Ứng Minh [Lịch]—em cùng cha khác mẹ với vua và Hoàng tử Ứng Kỳ (Đường, tức Đồng Khánh sau này)—vào điện Càn Chánh nhận truyền quốc tỹ và áo bào. (109)

109. *DNTLCB*, V, IV, 36:1813-1815, 1976:151, 153-54; *Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu [QTCBTY]*, tr. 412.

Rheinart phản đối việc Ứng Minh nối ngôi mà không được Pháp chấp thuận. Sáng 1/8, khi Tôn Thất Phan và Linh mục [Nguyễn Hữu] Thơ (tức Cư), biện lý Thương Bạc, báo tin Ứng Hạo chết và hai giờ trước khi từ trần, vua đã truyền di chiếu nhường ngôi cho em trai, Rheinart đưa ra hai lý do để phản đối: Thứ nhất, nước Pháp cần được thông báo trước và việc lập vua mới phải

có phép của chính phủ Pháp. Thứ hai, Ứng Hạo còn nhỏ, di chiếu không có giá trị. Tôn Thất Phan biện hộ rằng ngôi vua không thể bỏ trống một giờ, nên phải lập Ứng Minh, nhưng Rheinart không chấp nhận lý do trên. Tổng trú sứ Pháp còn gợi ý nên chọn một người lớn tuổi như Phủ chính thân thần Hường Huru, năm ấy đã 49 tuổi, vì Hường Huru có khả năng nhất, lại từng có liên hệ với Pháp. Rheinart còn bắt Phủ Phụ chính phải làm đơn xin được lập vua mới. Sau đó sai ký lục Lê Duy Hình—mà mưu mô và tham vọng cá nhân vượt quá xa khả năng thông dịch chữ Nho cùng chữ nôm—qua gặp Nguyễn Văn Tường nói rõ những điều trên. Hình còn được lệnh nói thêm là nếu chọn Hường Huru, Phủ phụ chính sẽ bị giải tán; các thành viên sẽ tiếp tục làm việc với điều kiện không phá hoại vua mới. Đồng thời, Rheinart cũng viết thư cho viện Cơ Mật.

Buổi chiều, đích thân Rheinart gặp Tường để thảo luận. Tường nói ngôi vua không thể để trống một giờ, và việc đưa Ứng Lịch lên ngôi là hợp lý. Rheinart nói rằng phòng Hường Cai thiếu thông minh và có triệu chứng bệnh di truyền: Cha chết vì bệnh não; anh cả có dấu hiệu bệnh thần kinh; Ứng Hạo/Hỗ có triệu chứng lao tủy sống. Người em út biết đâu không bị bệnh di truyền này. Cách hay nhất là chọn Hường Huru. Tường vẫn nhấn mạnh ngôi báu không thể bỏ ngỏ một giờ. Rheinart cáo từ, trước khi lập lại với Tường rằng không chấp nhận việc đưa Ứng Minh lên ngôi và di chiếu của Ứng Hạo vô giá trị. Ngày đó, Rheinart viết cho Phủ Phụ chính thư phản kháng thứ hai. (110)

110. *DNLTCB*, V, V, 36:1813-1815, 1976:176-78. Năm 1884, Trần Tĩnh quận công Miên Trí tố

cáo Hường Huru loạn dâm với em gái. Tường và Thuyết còn buộc tội Huru tư thông với Pháp. Năm sau, 1885, bị đày đi Ai-lao (trần Lao Bảo, Quảng Trị). Chết ở đó; Ibid., 3:168. Sau khi Đồng Khánh lên ngôi, Hường Huru và những Hoàng thân chủ hòa như Hường Phi, Hường Sâm, Miên Trinh, v.. v... mới được khai phục hay cho về Kinh. Sogny, 1943:236.

Hai Phụ chính Tường và Thuyết không đồng ý. Nêu lý do trong Hiệp ước 6/6/1884 không hề có điều khoản bắt xin làm đơn lập vua, ngày 2/8, lễ đăng quang vẫn diễn ra. Vua Ứng Minh mới được đặt niên hiệu Hàm Nghi (12/6/1884-5/7/1888). (111)

111. *ĐNTLCB*, V, V, 36:1883-1885, 1976:154.

Cho rằng khuôn thước của chế độ bảo hộ bị thách thức [*c'est la forme de notre protectorat qui est en cause*], Rheinart không thể lùi lại trước một việc đã rồi. Một mặt, tiếp tục phản đối, bắt phải làm đơn xin phép, và tổ chức lại lễ đăng quang, do đại diện Pháp chủ tọa. (Sử Nguyễn không nhắc việc này) Mặt khác, Rheinart quyết áp dụng luật kẻ mạnh.

Ngày 3/8, Rheinart viết thư yêu cầu Đại tá Morel-Beaulieu, Chỉ huy trưởng Thuận An, đưa pháo hạm *Javeline* tới Mang Cá làm áp lực. Ngày 6/8/1884, Rheinart lại gửi công điện ra Hà Nội xin viện binh. Nhận được công điện này, ngày 7/8 Tướng Millot sai Tham mưu trưởng của mình là Trung tá Guerrier mang một tiểu đoàn tác chiến và hai pháo đội cùng hai tàu *Trombe* và *Nagota* vào Huế. Ngày 10/8, Guerrier rời

Vịnh Hạ Long và tới Thuận An lúc 4 giờ chiều hôm sau. Ngay tối 11/8 đó, Guerrier đi canot vào Huế mật nghị với Rheinart. 8G00 sáng hôm sau, 12/8, Guerrier cùng Rheinart gặp các Phụ chính đại thần để trao tối hậu thư, đòi phải chấp thuận điều kiện của chính phủ Bảo hộ trước ngày 14/8.

Ngày 13/8/1884, tàu chiến Pháp vào tới Huế. Triều đình đồng ý viết thư xin phép lập Ứng Minh bằng chữ Nôm, nhưng Rheinart bắt viết lại bằng chữ Hán. Guerrier cảnh cáo Tường là chỉ có 12 tiếng đồng hồ để quyết định, bằng không Pháp sẽ oanh kích kinh thành.

Hai Phụ chính Tường và Thuyết đành nuốt nhục, sai một đại thần bộ Lễ tới thành Mang Cá nộp đơn bằng chữ Hán, đồng thời thương thảo việc tấn phong. Thoạt tiên Rheinart đòi mở rộng cửa Ngọ Môn cho mình cùng các sĩ quan và binh sĩ vào Đại Nội theo qui định của Hiệp ước bảo hộ, nhưng cuối cùng hai bên đồng ý chỉ có Rheinart cùng Guerrier và Trung tá Mallarmé, hạm trưởng tàu *Tarn*, vào đại nội bằng Ngọ Môn. Phái đoàn tùy tùng đi bằng cửa hông dành cho các đại thần Việt.

15G00 ngày 16/8/1884, Nguyễn Văn Tường gặp Guerrier và Rheinart, chấp nhận điều kiện của Pháp. Guerrier đồng ý phong vương cho Ứng Minh vào sáng hôm sau. Đồng thời, cho lệnh trưng cờ tam tài tại thành Mang Cá. 9G00 sáng 17/8/1884, Guerrier chủ tọa lễ phong vương cho Ứng Minh. Tháp tùng có Rheinart, Trung tá Mallarmé, hạm trưởng tàu *Tarn*, 25 sĩ quan và 160 binh sĩ. (112)

112. SHAT (Vincennes), 10H xxx [57]; *DNTLCB*, V, V, 36:1813-1815, 1976:156; Sogny, 1943:176-81.



Sau buổi lễ, Guerrier cho dán tuyên cáo của Millot gửi “dân chúng An-nam-mít.” Rheinart và Pernot cũng xúc tiến việc thành lập đội quân đồn trú ở Mang Cá, bắt kể lời phản đối của Nguyễn Văn Tường là Hiệp ước 6/6/1884 chưa được phê chuẩn, v.. v...(113)

113. *DNTLCB*, V, V, 36:1883-1885, 1976:157.

Tới đầu tháng 6/1885, Hiệp ước Patenôtre mới được lưỡng viện Quốc Hội Pháp phê chuẩn. Ban thường cho các quan chức Pháp, kể cả ký lục Lê Duy Hình và 2 tên thông ngôn.

Ngày 18/8/1884, Bộ trưởng HQ&TĐ gửi công điện khen ngợi Millot.

Nhưng thiên mệnh Đại Pháp sẽ không ngừng ở việc bắt làm đơn xin phép lập vua hay Khâm sứ chủ tọa lễ phong vương.